

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ THỊ LÝ

TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TỪ THỰC TIỄN TỈNH NINH BÌNH

Chuyên ngành: Luật hiến pháp và Luật hành chính

Mã số : 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS VŨ THƯ

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

NGÔ THỊ LÝ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	9
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của trợ giúp pháp lý	9
1.2. Tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý	15
1.3. Các yếu tố tác động đến hiệu quả trợ giúp pháp lý	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ Ở TỈNH NINH BÌNH.....	30
2.1. Các yếu tố đặc thù của tỉnh Ninh Bình ảnh hưởng đến công tác trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình	30
2.2. Các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.....	32
2.3. Thực trạng tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình (từ khi có Luật trợ giúp pháp lý năm 2007 đến nay)	35
Chương 3:CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....	55
3.1. Nhu cầu cần tăng cường hiệu quả trợ giúp pháp lý	55
3.2. Các quan điểm tăng cường hiệu quả trợ giúp pháp lý	57
3.3. Các giải pháp tăng cường trợ giúp pháp lý	62
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73
PHỤ LỤC.....	79

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CHXHCNVN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam
CLBTGPL	Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý
CTV	Cộng tác viên
CTVTGPL	Cộng tác viên trợ giúp pháp lý
NXB	Nhà xuất bản
TGPL	Trợ giúp pháp lý
Tr	Trang
TTTGPL	Trung tâm trợ giúp pháp lý
UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kể từ năm 1986, Việt Nam chính thức tiến hành sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước. Cùng với việc đẩy mạnh cải cách kinh tế, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, Nhà nước Việt Nam đã thông qua Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo (*Chiến lược xóa đói giảm nghèo*), trong đó có chính sách Trợ giúp pháp lý (TGPL) cho người nghèo và đối tượng chính sách. Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương “*thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*” [33].

Để góp phần thực hiện các mục tiêu trên, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm chỉ đạo “*cần phải mở rộng loại hình tư vấn pháp luật phổ thông, đáp ứng nhu cầu rộng rãi, đa dạng của các tầng lớp nhân dân... cần nghiên cứu lập hệ thống dịch vụ tư vấn pháp luật không lấy tiền để hướng dẫn nhân dân sống và làm việc theo pháp luật*” [30]. Do đó, việc thành lập tổ chức TGPL miễn phí cho người nghèo, người có công với cách mạng và các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở Việt Nam xuất phát từ chủ trương xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo đảm công bằng xã hội. Trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có mặt tích cực là thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhưng bên cạnh đó cũng có mặt tiêu cực là làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, các vùng lãnh thổ và các nhóm xã hội, khoảng cách giàu nghèo về kinh tế tất yếu dẫn đến sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận với các điều kiện giáo dục, y tế, văn hóa và đặc biệt trong việc tiếp cận với dịch vụ pháp lý. Người nghèo thường không có điều kiện về kinh tế để tiếp cận với các loại dịch vụ pháp lý có thu phí, nên trong nhiều trường hợp không được tư vấn pháp luật hoặc không mời được luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi có vướng mắc pháp

luật. Mặt khác trong điều kiện hệ thống pháp luật nước ta đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện, số lượng văn bản ngày càng nhiều, tính ổn định không cao, thường xuyên sửa đổi, bổ sung, nên việc tiếp cận pháp luật không phải dễ dàng. Tổ chức TGPL của Nhà nước ra đời đã tạo cơ chế cần thiết để người nghèo, người có công với cách mạng và đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn khác có điều kiện tiếp cận với dịch vụ TGPL miễn phí.

Thực hiện các quan điểm nêu trên, ngày 06/9/1997, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 734/TTg về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách. Theo đó, hệ thống tổ chức TGPL đã được thành lập từ Trung ương đến địa phương, bao gồm Cục TGPL thuộc Bộ Tư pháp và Trung tâm TGPL trực thuộc Sở Tư pháp ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong những năm qua, các tổ chức TGPL đã đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu giúp đỡ pháp lý của người nghèo, đối tượng chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, trở thành một bộ phận không thể thiếu trong đời sống pháp luật của xã hội. Hoạt động của các tổ chức TGPL đã góp phần thực hiện chủ trương xoá đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, góp phần bảo đảm công bằng xã hội của Đảng và Nhà nước; giúp các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác giải quyết các vụ việc một cách khách quan, chính xác, đúng pháp luật, giải toả những vướng mắc pháp luật của nhân dân, giữ gìn ổn định tình hình chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường pháp chế XHCN; trong nhiều trường hợp đã giúp các cơ quan Nhà nước xem xét lại những bất cập trong giải quyết vụ việc của người dân; từ đó, có những tác động tích cực đến đời sống pháp luật, vai trò của pháp luật được phát huy, thực sự là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cải cách hành chính, cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Với ý nghĩa là một chính sách giảm nghèo về pháp luật, TGPL được coi là bộ phận cấu thành của chính sách giảm nghèo. Cùng với sự quan tâm của

Đảng, Nhà nước về chính sách giảm nghèo nói chung, chính sách TGPL càng được quan tâm: Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/06/2012 Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Trung ương khóa XI về một số chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 xác định: “*Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ cận nghèo để giảm nghèo bền vững*” và “*Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng với hình thức hỗ trợ thích hợp*” [2].

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, từ thực tiễn tổ chức và hoạt động TGPL nói chung, hoạt động TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Ninh Bình nói riêng vẫn còn bộc lộ những khó khăn, hạn chế, yếu kém làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động TGPL. Nghiên cứu thực trạng tổ chức và hoạt động ở các Trung tâm TGPL là điều quan tâm hàng đầu của Cục TGPL, từ đó giúp cho Cục TGPL chỉ đạo, điều chỉnh hợp lý hoạt động TGPL. Ở mỗi tỉnh có một đặc thù khác nhau do đó tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL cũng có nét khác nhau, vấn đề cơ bản là đưa ra các giải pháp hợp lý, nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL, từ đó bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, đáp ứng yêu cầu mà Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Chiến lược phát triển TGPL ở Việt nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ) đã đề ra.

Xuất phát từ những yêu cầu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, thực hiện cải cách tư pháp, cải cách hành chính, do đó, tác giả chọn đề tài: “***Trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Ninh Bình***” làm luận văn thạc sỹ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trợ giúp pháp lý là nhiệm vụ mới của Ngành Tư pháp, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với người nghèo và đối tượng chính sách trên phương diện pháp luật, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những đối tượng bị thiệt thòi trong xã hội, đánh dấu bước ngoặt vượt bậc của công cuộc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam; xóa đói giảm nghèo cả về vật chất và tinh thần, tạo điều kiện cho người chịu thiệt thòi trong xã hội được bình đẳng tiếp cận pháp luật, công bằng trước pháp luật. Đến nay, đã có một số đề tài nghiên cứu tiến sĩ, thạc sĩ, đề tài cấp Bộ và các bài báo, tạp chí, chuyên đề nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hoạt động TGPL cho người nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng khác. Xin nêu ra một số công trình nghiên cứu đáng chú ý:

Đề Tài nghiên cứu cấp bộ: Đề tài “Mô hình tổ chức và hoạt động TGPL, phương hướng thực hiện trong điều kiện hiện nay” và “Luận cứ khoa học và thực tiễn xây dựng Pháp lệnh TGPL, do Viện Khoa học pháp lý- Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện, của tác giả Tạ Thị Minh Lý.

Các luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ:

- Luận án tiến sĩ "Điều chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý ở Việt Nam trong điều kiện đổi mới" của tác giả Tạ Thị Minh Lý. Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, pháp lý của điều chỉnh pháp luật và điều chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý; thực trạng điều chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý và phương hướng hoàn thiện việc điều chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý trong điều kiện đổi mới.

- Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật đối với người nghèo trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” của tác giả Đỗ Xuân Lân. Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn về thực hiện pháp luật

đối với người nghèo, đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật đối với người nghèo trong Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

- Luận văn thạc sĩ "Hoàn thiện các hình thức tiếp cận pháp luật của người nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay" của tác giả Đỗ Xuân Lân. Luận văn tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng các hình thức tiếp cận pháp luật của người nghèo ở Việt Nam, các giải pháp nhằm bảo đảm người nghèo ở Việt Nam luôn được tiếp cận với pháp luật.

- Luận văn thạc sĩ: "Phát triển trợ giúp pháp lý ở cơ sở" của tác giả Đặng Thị Loan. Luận văn tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn về các mô hình trợ giúp pháp lý ở cơ sở và đưa ra các giải pháp để phát triển các mô hình trợ giúp pháp lý ở cơ sở.

- Luận văn thạc sĩ: "Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý" của tác giả Nguyễn Bích Ngọc. Luận văn tập trung nghiên cứu đánh giá thực trạng và hiệu quả tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam trong thời gian qua, phát hiện những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân để có giải pháp hoàn thiện.

- Luận văn: "Hoàn thiện pháp luật Trợ giúp pháp lý ở Việt Nam" của tác giả Cù Thu Anh. Luận Văn nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn hệ thống TGPL ở Việt Nam. Trên cơ sở đó đưa ra quan điểm, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật TGPL trong thời gian tới.

- Luận văn thạc sĩ "Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình hiện nay" của tác giả Bùi Thị Thanh Tâm. Luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng thực hiện pháp luật của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Ninh Bình từ đó đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý.

Các Hội thảo: Lấy ý kiến góp ý Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 07/2007/ ND-CP (Cục TGPL, Bộ Tư pháp, năm 2013); Hội thảo Sơ kết 05 năm thi hành Luật TGPL (Cục TGPL, Bộ Tư pháp, năm 2011); Hội nghị tổng kết 08 năm thi hành Luật TGPL (Cục TGPL, Bộ Tư pháp, năm

2015), Hội thảo định hướng xây dựng Luật TGPL sửa đổi (Cục TGPL, Bộ Tư pháp, năm 2015);

Các chuyên đề cấp, bài viết trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật như : Vai trò của Trợ giúp viên pháp lý trong hoạt động tố tụng, TS. Nguyễn Thị Minh, ThS. Trịnh Thị Thanh, Số tháng 6/2014 ; những nội dung cơ bản của Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015 -2025, Cục TGPL, Số chuyên đề Đổi mới công tác TGPL;

Có thể nói, các công trình đã nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của hoạt động TGPL. Tuy nhiên, để tăng cường và nâng cao hiệu quả TGPL của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Ninh Bình, cần phải tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình, Vì vậy, việc nghiên cứu Đề tài “Trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Ninh Bình ” là rất cần thiết và có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn góp phần tìm ra giải pháp, định hướng nâng cao hiệu quả hoạt động TGPL trong thời gian tới. Qua kết quả tổ chức và hoạt động TGPL trên địa bàn tỉnh, tác giả nhận thấy bên cạnh kết quả đạt được cũng còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế cần phải nghiên cứu để có những giải pháp khắc phục nâng cao chất lượng thực hiện TGPL ở tỉnh trong thời gian tới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích của luận văn

Luận văn tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và thực trạng tổ chức và hoạt động Trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả TGPL nói chung và tại tỉnh Ninh Bình nói riêng ngày càng tốt hơn, hiệu quả cao hơn.

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

Xuất phát từ mục đích nêu trên, luận văn có nhiệm vụ nghiên cứu các nội dung sau đây:

- Làm rõ những luận cứ khoa học cơ bản về TGPL: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của TGPL; tổ chức thực hiện TGPL, quyền được TGPL, người được TGPL; nội dung, hình thức, lĩnh vực TGPL;

- Đánh giá thực trạng về hoạt động TGPL miễn phí của Trung tâm TGPL thuộc Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình trong những năm qua, trong đó trọng tâm nghiên cứu, xem xét đánh giá khách quan những kết quả, hiệu quả hoạt động TGPL đã đạt được và đặc biệt đi sâu vào nghiên cứu, đánh giá những tồn tại, hạn chế, bất cập của hoạt động TGPL trong những năm qua và nguyên nhân của những tồn tại hạn chế;

- Từ đó đề xuất những giải pháp hữu hiệu đưa hoạt động TGPL miễn phí cho người nghèo và đối tượng chính sách nói chung và tại tỉnh Ninh Bình nói riêng ngày càng tốt hơn, hiệu quả cao hơn, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương xóa đói giảm nghèo về pháp luật cho người dân.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn các vấn đề xung quanh hoạt động TGPL, người được TGPL là người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà nước CHXHCNVN là thành viên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề thực tiễn TGPL trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, kể từ thời điểm năm 2007 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước ta về con người, chính sách đối với con người, quyền con người,

quyền công dân và các vấn đề liên quan đến quyền lực và tổ chức quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận của triết học Mác xít cả về chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Đồng thời, tác giả còn sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, lịch sử....

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần làm phong phú thêm lý luận và góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả TGPL ở cả nước nói chung và ở tỉnh Ninh Bình nói riêng;

- Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu và đào tạo cán bộ làm công tác TGPL.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương sau:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về trợ giúp pháp lý.
- Chương 2. Thực trạng trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình.
- Chương 3. Các giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý trong giai đoạn hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của trợ giúp pháp lý

1.1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý

Trên thế giới, hoạt động TGPL có lịch sử ra đời cách đây khoảng 500 năm và được bắt nguồn ở Anh (thế kỷ XV), Đức và Hà Lan vào những thập niên giữa thế kỷ XIX, sau đó đến Pháp, Mỹ và xuất hiện muộn hơn vào đầu thế kỷ XX, ở Úc và một số nước trong khu vực như : Singapore, Malaysia, Campuchia, Trung Quốc.... , ở mỗi quốc gia, quan niệm về TGPL cũng có khác nhau, phụ thuộc vào chế độ chính trị, điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi nước.

Thuật ngữ “*trợ giúp pháp lý*” được sử dụng phổ biến trên thế giới từ giữa thế kỷ XIX và xuất phát từ tiếng Anh là: Legal aid. Theo Từ điển Anh-Việt của tác giả Lê Khả Kế, NXB khoa học xã hội, 1997 thì “legal aid” được dịch là “trợ cấp pháp lý”. Ngoài ra, trong một số tài liệu khác dịch “legal aid” là “hỗ trợ pháp luật”, “hỗ trợ pháp lý” hoặc “hỗ trợ tư pháp”.

Theo Từ điển Việt của Nhà xuất bản khoa học xã hội năm 1994, thì thuật ngữ “trợ giúp” có nghĩa là “giúp đỡ”, thuật ngữ “giúp đỡ” theo nghĩa tích cực là giúp để làm giảm bớt khó khăn, nghĩa là làm cho ai một việc gì đó hoặc cho ai cái gì đó mà người đó đang cần. Cái đang cần sự giúp đỡ ở đây là “pháp lý” theo nghĩa rộng của từ này.

Theo nghĩa rộng, “*trợ giúp pháp lý*” được hiểu là việc thực hiện các dịch vụ pháp lý miễn phí của Nhà nước và xã hội cho người nghèo, người được hưởng chính sách ưu đãi và một số đối tượng khác do pháp luật quy định. Bằng các hoạt động tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa, kiến nghị giải quyết vụ việc và tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm bảo đảm cho

mọi công dân bình đẳng trong tiếp cận pháp luật, góp phần thực hiện công bằng xã hội.

Theo nghĩa hẹp, “*trợ giúp pháp lý*” được hiểu là việc thực hiện các dịch vụ pháp lý miễn phí của các tổ chức TGPL của Nhà nước cho người nghèo và người được hưởng chính sách ưu đãi thông qua hình thức tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa, kiến nghị giải quyết vụ việc và tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm bảo đảm cho mọi công dân bình đẳng trong tiếp cận pháp luật, góp phần thực hiện công bằng xã hội.

Dưới góc độ kinh tế mang tính nhân đạo, một số nước (như Đức) quan niệm TGPL là giúp đỡ một phần hoặc toàn bộ tài chính cho những người không có khả năng thanh toán cho các chi phí về tư vấn pháp luật, đại diện hoặc bào chữa trước Tòa án.

Dưới góc độ pháp lý, theo pháp luật Anh và xứ Wales thì TGPL là giúp đỡ pháp lý cho những người không có khả năng chi trả cho việc tư vấn, hỗ trợ và đại diện pháp lý.

Dưới góc độ mục đích của hoạt động TGPL, người Australia cho rằng TGPL là giúp đỡ cho một người có được hoàn cảnh và điều kiện tương tự như người khác trong việc tiếp cận với pháp luật, tức là tạo ra sự công bằng khi tiếp cận với pháp luật [25].

Ở Việt Nam, thuật ngữ “legal aid” được dịch là “*trợ giúp pháp lý*” và thuật ngữ “*trợ giúp pháp lý*” chính thức được sử dụng chính thức trong các văn bản pháp luật, sách báo, tạp chí và được quy định trong Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách.

Trên cơ sở nghiên cứu những kinh nghiệm xây dựng tổ chức và hoạt động TGPL của các nước trên thế giới đã có lịch sử TGPL từ hàng trăm năm và thực tiễn hoạt động TGPL ở Việt Nam trong thời gian qua, chúng ta có thể đưa ra quan niệm chung về TGPL một cách đầy đủ, thể hiện những đặc trưng

cơ bản của nó. Theo quan niệm chung hiện nay thì TGPL được hiểu là sự giúp đỡ pháp lý miễn phí của Nhà nước và xã hội cho đối tượng khác nhau theo quy định của pháp luật để tiếp cận với dịch vụ pháp lý (tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa, hòa giải...), nhằm bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội.

Luật Trợ giúp pháp lý được Quốc hội thông qua năm 2006 đưa ra khái niệm về TGPL: "trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL; giúp họ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật".

Từ việc nghiên cứu các khái niệm về trợ giúp pháp lý của các nước trên thế giới và ở Việt Nam, hoạt động trợ giúp pháp lý được hiểu là: *hỗ trợ và giúp đỡ pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý hiểu biết ít hoặc ít hiểu biết về pháp luật đã được điều chỉnh bằng pháp luật để họ hiểu biết và xử sự đúng pháp luật.*

1.1.2. Đặc điểm của trợ giúp pháp lý

Với những phân tích về nội hàm thuật ngữ “trợ giúp pháp lý” nêu trên, quy định khái niệm TGPL theo Luật TGPL đã khái quát được bản chất, thể hiện đặc thù của TGPL ở Việt Nam nhằm phân biệt với các hoạt động nghiệp vụ pháp lý khác như sau:

Thứ nhất: Đây là dịch vụ pháp lý miễn phí, đối tượng thụ hưởng dịch vụ không phải trả bất kỳ một khoản lệ phí nào, kể cả lệ phí giấy tờ khi yêu cầu TGPL và việc thuê Luật sư. Đối tượng được hưởng dịch vụ TGPL ở đây là: Người nghèo, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số và những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khác. Dịch vụ được cung cấp là tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, hòa giải và thực hiện những công việc liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại và các hoạt động khác

theo quy định của pháp luật. Các chi phí cho hoạt động TGPL sẽ do ngân sách Nhà nước bảo đảm hoặc được huy động trong cộng đồng, sự hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài và quốc tế thông qua các Dự án hoặc Quỹ TGPL. Tính chất miễn phí đã trở thành nguyên tắc hoạt động TGPL[25;] được quy định trong Luật TGPL đó là : *“TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL* (Điều 3 Luật TGPL); nguyên tắc hoạt động *“Không thu phí, lệ phí, thù lao từ người được TGPL”* (Điều 4 Luật TGPL) và là một trong những hành vi bị nghiêm cấm là *“Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ người được TGPL; sách nhiễu người được TGPL”* (Điều 9 Luật TGPL)”. Tính chất này xuất phát từ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là thực hiện công bằng xã hội trong từng bước phát triển đất nước. Mặc dù điều kiện kinh tế của nước ta còn khó khăn nhưng Nhà nước vẫn dành khoản ngân sách nhất định để chi cho hoạt động TGPL. Bởi vì những người được xác định là người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thì trong cuộc sống, họ không đủ kinh phí để trang trải cho cái ăn, cái mặc, học hành nên không thể bắt buộc họ phải trả một phần kinh phí cho các dịch vụ pháp lý mà họ được hưởng. Đây là điểm đặc thù của TGPL ở Việt Nam và là sự nỗ lực của Đảng và Nhà nước ta trong điều kiện kinh tế đất nước còn khó khăn (ở nhiều nước trên thế giới, người được TGPL phải trả một phần chi phí hoặc phải trả chi phí khi thắng kiện trong các vụ án tranh tụng).

Thứ hai: TGPL thể hiện tính chính trị - xã hội và được xác định là trách nhiệm của Nhà nước, Nhà nước giữ vai trò nòng cốt nhằm góp phần khắc phục sự bất bình đẳng trong tiếp cận với pháp luật cho người nghèo, người “yếu thế”, người không có khả năng chi trả các chi phí cho dịch vụ pháp lý có thu phí, là một loại dịch vụ công thuộc chức năng xã hội của Nhà nước, là nhiệm vụ của nhà nước. Ngoài chức năng quản lý mọi mặt của đời sống xã hội, Đảng và Nhà nước ta còn thực hiện các chức năng phục vụ, cung ứng

dịch vụ cho xã hội của mình; nhằm xóa nghèo về pháp luật, giúp người được TGPL bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp vi phạm pháp luật; qua đó, góp phần thiết lập sự ổn định chính trị, tăng cường pháp chế XHCN.

Thứ ba: TGPL là một dịch vụ mang đậm tính nhân văn, bởi mục tiêu hướng tới không chỉ người nghèo mà còn đối với người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người già cô đơn, người tàn tật, trẻ em không nơi nương tựa, người được TGPL theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Những vụ việc về tố tụng (hình sự, dân sự, lao động, đất đai, khiếu nại, chính sách...) liên quan đến quyền và lợi ích của người được TGPL nhưng họ không có tiền thuê Luật sư ngoài thị trường để đại diện, bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ khi bị xâm hại. Thông qua nhiều hình thức TGPL, hỗ trợ pháp lý sẽ làm giảm bớt những khó khăn của nhóm đối tượng yếu thế, góp phần tạo sự công bằng trong xã hội. Ngoài ra, TGPL Việt Nam còn có điểm đặc thù là kiến nghị thi hành pháp luật (gồm: kiến nghị giải quyết vụ việc TGPL, kiến nghị hành vi công vụ và kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật).

Thứ tư: TGPL là một loại dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp. TGPL được xác định là một trong những chức năng xã hội của Nhà nước; đối tượng được hưởng TGPL là những người yếu thế, không có đủ điều kiện tiếp cận với các loại dịch vụ pháp lý có thu phí, cần có sự trợ giúp của Nhà nước; các chi phí cho hoạt động TGPL do ngân sách Nhà nước bảo đảm. Đây là một loại hình dịch vụ pháp lý cấu thành nên thị trường pháp lý, do những người có trình độ am hiểu pháp luật thực hiện trên cơ sở pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu giúp đỡ pháp luật của người nghèo và đối tượng chính sách, đối tượng

yếu thế khác trong xã hội; thông qua việc tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng, giúp đỡ thực hiện công việc liên quan đến thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại...

1.1.3. Vai trò của trợ giúp pháp lý

Sau hơn 19 năm hình thành và phát triển, công tác TGPL có vị trí vai trò hết sức quan trọng và cần thiết trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay, thể hiện được bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân; tạo lập cơ chế bảo đảm công bằng xã hội, mọi công dân dù giàu hay nghèo đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tiếp cận dịch vụ pháp lý như nhau trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, bởi vì:

Thứ nhất, đối với Nhà nước, hoạt động TGPL thể hiện trách nhiệm của mình trong việc thực thi pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, đồng thời tăng thêm gắn bó giữa Nhà nước và người dân, nâng cao vị thế, vai trò của pháp luật trong quản lý đất nước, quản lý xã hội và bảo vệ quyền công dân.

Thứ hai, TGPL còn góp phần quan trọng cho sự nghiệp cải cách tư pháp, cải cách hành chính; hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực thi công vụ, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng tùy tiện, lạm quyền, góp phần giải tỏa vướng mắc pháp luật, giảm bớt khiếu kiện, giảm thiểu các tranh chấp phải đưa ra cơ quan tư pháp giải quyết; đồng thời qua đó kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Thứ ba, đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng và các đối tượng yếu thế khác trong xã hội khác, TGPL hỗ trợ, giúp đỡ, hướng dẫn họ tự mình hoặc có thể nhờ người khác bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp khỏi sự xâm hại, từng bước nâng cao ý thức pháp luật, hạn chế, phòng ngừa các vi phạm pháp luật, đặc biệt thông qua việc bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp trong các vụ việc, bảo đảm các quyền con người, quyền công dân.

Thứ tư, đối với xã hội, TGPL góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ pháp chế, đưa pháp luật đến với người dân, tạo lập thói quen và nếp sống làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, đồng thời góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển gắn với giải quyết vấn đề an sinh xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hơn nữa trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng xã hội, chủ động hội nhập quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì TGPL ngày càng có ý nghĩa, vai trò quan trọng trong xóa đói, giảm nghèo, động viên người dân tích cực tham gia các hoạt động xã hội và phát triển kinh tế.

1.2. Tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý

1.2.1. Tổ chức bộ máy và các chủ thể trợ giúp pháp lý

a/ Tổ chức trợ giúp pháp lý

Tổ chức thực hiện TGPL là Trung tâm TGPL Nhà nước và các tổ chức tham gia TGPL.

Trung tâm TGPL Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Trung tâm) do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập. Trung tâm TGPL là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, chịu sự quản lý nhà nước của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh; sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp. Chi nhánh TGPL là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm TGPL, do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp. Trung tâm TGPL chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh.

Các tổ chức tham gia TGPL bao gồm:

+ Tổ chức hành nghề luật sư (Văn phòng luật sư, Công ty luật theo quy định của pháp luật về luật sư);

+ Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức tư vấn pháp luật).

Văn phòng Luật sư, Công ty luật, Trung tâm tư vấn pháp luật tham gia TGPL phải đăng ký với Sở Tư pháp nơi đã đăng ký hoạt động. Các tổ chức này có thể lựa chọn để đăng ký về hình thức, phạm vi, lĩnh vực thực hiện TGPL phù hợp.

b/ Người thực hiện trợ giúp pháp lý

Người thực hiện TGPL là người cung cấp dịch vụ pháp lý cho người được TGPL theo quy định pháp luật. Theo quy định của Luật TGPL thì người thực hiện TGPL gồm có Trợ giúp viên pháp lý (TGVPL) và người tham gia TGPL (bao gồm cộng tác viên TGPL; Luật sư, Tư vấn viên pháp luật đăng ký tham gia TGPL).

+ Trợ giúp viên pháp lý là viên chức của Trung tâm TGPL được Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm và cấp thẻ. Đây là đội ngũ nòng cốt của Trung tâm TGPL Nhà nước trong công tác TGPL. Tiêu chuẩn của TGVPL phải là viên chức của Trung tâm TGPL, có bằng Cử nhân luật, có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL sau khi đã hoàn thành khoá đào tạo nghề luật sư; có thời gian làm công tác pháp luật từ 02 năm trở lên; có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ sức khoẻ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao. TGVPL thực hiện tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo để thực hiện việc bào chữa; người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính; đại diện ngoài tố tụng cho người được TGPL để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật, hoà giải, tham gia quá trình giải quyết khiếu nại quyết

định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các hình thức TGPL khác.

+ Cộng tác viên TGPL (CTVTGPL), là người làm việc trên cơ sở hợp đồng cộng tác với Trung tâm TGPL thực hiện TGPL cho người được TGPL. CTVTGPL có thể là Luật sư, Tư vấn viên pháp luật, người có bằng cử nhân luật, người có bằng đại học khác làm việc trong ngành, nghề liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; đối với những người thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi chỉ cần có bằng trung cấp luật hoặc có thời gian làm công tác pháp luật từ ba năm trở lên hoặc có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng. Cộng tác viên TGPL là Luật sư được tham gia TGPL với các hình thức như Trợ giúp viên. CTVTGPL không phải là Luật sư chỉ tham gia TGPL bằng hình thức tư vấn pháp luật.

+ *Luật sư (không phải là CTVTGPL) thực hiện trợ giúp pháp lý*

Ngoài việc tham gia TGPL với tư cách là Cộng tác viên TGPL, Luật sư có thể tham gia TGPL thông qua tổ chức hành nghề của luật sư (Văn phòng Luật sư, Công ty luật) có đăng ký tham gia TGPL mà Luật sư đó là thành viên, hoặc TGPL theo nghĩa vụ của Luật sư theo pháp luật về Luật sư. Luật sư tham gia TGPL thông qua tổ chức hành nghề thực hiện trong phạm vi, hình thức, lĩnh vực TGPL đã đăng ký với Sở Tư pháp. Luật sư thực hiện nghĩa vụ theo pháp luật Luật sư được thực hiện các hình thức như TGPL trong thời gian 08 giờ/năm. Như vậy, Luật sư thực hiện TGPL thông qua 03 tư cách: Cộng tác viên pháp lý, thành viên của tổ chức hành nghề đăng ký tham gia TGPL và thực hiện theo nghĩa vụ quy định tại Luật luật sư.

+ *Tư vấn viên pháp luật (không phải là CTVTGPL) thực hiện*

Ngoài việc thực hiện TGPL với tư cách là CTVTGPL, Tư vấn viên pháp luật làm việc tại các Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp còn tham gia TGPL khi

Trung tâm tư vấn pháp luật đó có đăng ký tham gia TGPL. Tư vấn viên pháp luật khi tham gia TGPL với tư cách này chỉ được thực hiện tư vấn pháp luật theo sự phân công của tổ chức tư vấn pháp luật nơi họ làm việc. Như vậy, tư vấn viên pháp luật thực hiện TGPL với 02 cách: CTVTGPL và thành viên của Trung tâm tư vấn pháp luật đăng ký tham gia TGPL với Trung tâm TGPL.

c/ Người được trợ giúp pháp lý

Người được TGPL là người được hưởng các dịch vụ TGPL miễn phí. Xuất phát từ mục đích, ý nghĩa và tính chất của hoạt động TGPL, không phải tất cả mọi người dân đều được hưởng dịch vụ TGPL miễn phí mà chỉ có những nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội được hưởng dịch vụ này. Theo Luật TGPL năm 2006 và Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật TGPL; Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP và pháp luật hiện hành, những đối tượng sau đây được hưởng TGPL miễn phí của Nhà nước:

- Người thuộc hộ nghèo được TGPL là người thuộc hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ công bố theo giai đoạn.

- Người có công với cách mạng là: Người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8 năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; người có công giúp đỡ cách mạng được Nhà nước tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"...; cha, mẹ, vợ, chồng của liệt sĩ, con của liệt sĩ; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

- Người già cô đơn không nơi nương tựa: là người từ đủ 60 tuổi trở lên

sống độc thân và không có nơi nương tựa.

- Người khuyết tật: là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn. Theo Luật người khuyết tật năm 2010 thì người khuyết tật có quyền được TGPL miễn phí.

- Trẻ em không nơi nương tựa: Được TGPL là người dưới 16 tuổi không nơi nương tựa (được áp dụng theo quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em).

- Người dân tộc thiểu số: Thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật (Chính phủ xác định các địa phương, tỉnh, huyện, xã là vùng đặc biệt khó khăn trong từng giai đoạn).

- Nạn nhân bị mua bán: là người bị xâm hại bởi hành vi mua, bán người. Theo Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 thì nạn nhân bị mua bán được TGPL miễn phí;

- Các đối tượng khác: Được TGPL theo quy định tại Điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên (Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989, Hiệp định tương trợ Tư pháp giữa Việt Nam với Trung Quốc, Ucraina, Pháp, Mông Cổ...).

1.2.2. Nội dung trợ giúp pháp lý

TGPL được đã xác định là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL nhằm nâng cao hiểu biết, và ý thức tôn trọng pháp luật, bảo vệ công lý, công bằng xã hội quy định tại (Điều 3 Luật TGPL). Như vậy, khái niệm hoạt động TGPL theo Luật TGPL năm 2006 bao hàm các nội dung chủ yếu: Thứ nhất là dịch vụ pháp lý miễn phí; thứ hai là giành cho những người được TGPL có nhu cầu giúp đỡ pháp luật nhưng không có điều kiện chi trả cho dịch vụ pháp lý hoặc người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và các đối tượng khác; thứ ba là có hình thức, lĩnh vực phù hợp với quy định của Luật TGPL.

Nguyên tắc hoạt động TGPL là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt hoạt động TGPL, là kim chỉ nam cho hoạt động TGPL buộc các chủ thể thực hiện TGPL phải tuân thủ trong quá trình TGPL; một là, không thu phí, lệ phí, thù lao từ người được TGPL(Điều 4); nguyên tắc này thể hiện người được TGPL không phải trả bất kỳ một khoản lệ phí nào; nguyên tắc này gắn liền với điều cấm đối với tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL: “ Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ người được TGPL”(Khoản 1 Điều 9) [25]; hai là, trung thực, tôn trọng sự thực khách quan; nguyên tắc này thể hiện khi thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL phải trung thực, tôn trọng sự thật khách quan, không bị tác động bởi bất kỳ sức ép nào và vì mục đích cá nhân ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người được TGPL; ba là, nguyên tắc sử dụng các biện pháp phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được TGPL; nguyên tắc này thể hiện người thực hiện TGPL phải thực hiện tất cả quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn, công sức, trí tuệ thực hiện vụ việc TGPL; bốn là, tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp TGPL; nguyên tắc này thể hiện người thực hiện TGPL phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép; năm là, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung TGPL; nguyên tắc này thể hiện khi TGPL sai, gây thiệt hại cho người được TGPL thì người thực hiện TGPL phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp và các văn bản pháp luật về bảo đảm quyền cho một số đối tượng cần được Nhà nước và xã hội quan tâm, giúp đỡ, mặt khác khẳng định sự nhất quán trong các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là chính sách xoá đói, giảm nghèo, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách dân tộc, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bản chất tốt đẹp của chế độ xã

hội chủ nghĩa ở Việt Nam; do vậy, Luật TGPL đã có những thay đổi phạm vi diện người được TGPL; trước đây chỉ người nghèo, đối tượng chính sách và một số đối tượng khác mới được TGPL thì Luật TGPL đã bổ sung thêm đối tượng là người già cô đơn, người tàn tật và một số đối tượng thuộc diện có công với cách mạng.

Các lĩnh vực TGPL liên quan đến hầu hết các lĩnh vực pháp luật (trừ loại vụ việc thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại) bao gồm các lĩnh vực pháp luật sau: Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự; pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự; pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em; pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính; pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng; pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm; pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội khác; các lĩnh vực khác liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói, giảm nghèo hoặc liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân(Điều 5 Luật TGPL).

Cùng với việc xác định phạm vi điều chỉnh Luật TGPL đã thiết lập nội dung chính sách TGPL của Việt Nam đó là, TGPL là trách nhiệm của Nhà nước, Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong việc thực hiện, tổ chức thực hiện TGPL; đồng thời Nhà nước có nhiệm vụ khuyến khích tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức hành nghề luật sư và luật sư, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ hoạt động TGPL. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp Việt Nam, Nhà nước ta đã công khai tuyên bố trước toàn thể nhân dân và quốc tế về trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm quyền được tiếp cận và sử dụng pháp luật của công dân, nhất là khi họ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt cần có sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội, đồng thời xác định rõ TGPL không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Nhằm bảo đảm thực thi vai trò nòng cốt của Nhà nước trong việc

thực hiện và tổ chức thực hiện TGPL, Luật đã kiện toàn, củng cố và tăng cường vai trò của các Trung tâm TGPL thuộc Sở Tư pháp, kiện toàn và chuẩn hoá đội ngũ người thực hiện TGPL làm việc tại các Trung tâm TGPL. Mặt khác, Nhà nước huy động các nguồn lực xã hội tham gia thông qua cơ chế hình thành, phát triển đội ngũ CTVTGPL của Trung tâm TGPL nhà nước và huy động các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức đoàn thể, xã hội tham gia TGPL bằng việc đăng ký với Nhà nước trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải và từng bước thực hiện xã hội hóa TGPL(Điều 6 Luật TGPL).

Luật TGPL xác định tương đối rõ các vấn đề về tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL đó là: Tổ chức thực hiện TGPL là Trung tâm TGPL Nhà nước và các tổ chức tham gia TGPL(Điều 13 Luật TGPL). Trung tâm TGPL Nhà nước do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập, Trung tâm TGPL là một đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Giám đốc Trung tâm TGPL do Chủ tịch UBND cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Trung tâm TGPL có thể có Chi nhánh, Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Trung tâm TGPL. Việc thành lập Chi nhánh do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định. Quán triệt quan điểm xã hội hoá hoạt động TGPL, Luật TGPL đã thiết lập cơ chế tham gia TGPL các tổ chức hành nghề luật sư và tổ chức tư vấn pháp luật. Như vậy, cùng với việc mở rộng diện người được TGPL. Luật TGPL đã mở rộng hơn diện tổ chức thực hiện TGPL, cho phép tổ chức hành nghề luật sư và Luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật tham gia TGPL. Trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải và từng bước xã hội hoá TGPL, giảm gánh nặng cho Nhà nước về đội ngũ người thực hiện TGPL.

Người thực hiện TGPL phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện, tiêu chuẩn nhất định theo quy định của Luật TGPL; trong đó chú trọng xây dựng đội ngũ TGVPL và đội ngũ CTVTGPL, đồng thời huy động các Luật sư, Tư vấn viên

pháp luật tham gia TGPL. Đa dạng hoá người thực hiện TGPL và phù hợp với nguồn lực hiện có của Việt Nam. Luật TGPL đã pháp điển hoá các quy định pháp luật hiện hành về chế độ công tác viên theo hướng mở rộng thêm những người có bằng đại học khác (Điều 13 Luật TGPL); Điều 20 Luật quy định người thực hiện TGPL là TGVPL và người tham gia TGPL là CTVTGPL của Trung tâm TGPL; Luật sư, tư vấn viên pháp luật làm việc trong các tổ chức tư vấn pháp luật thuộc tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp; Điều 22 Luật TGPL đã quy định: Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khoẻ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, tự nguyện tham gia TGPL mà không thuộc các trường hợp cấm theo quy định tại Điều 20 Luật TGPL thì được Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, công nhận và cấp thẻ công tác viên. Để phù hợp với trình độ chuyên môn, thực hiện việc phân công chủ thể thực hiện TGPL căn cứ vào tính chất phức tạp của từng vụ việc, Luật TGPL quy định công tác viên không phải là Luật sư chỉ tham gia TGPL bằng hình thức tư vấn pháp luật.

Để đảm bảo để cho công tác TGPL phát triển ổn định và vững chắc: Về nội dung này, ngoài vấn đề bảo đảm về tổ chức, cán bộ, Luật TGPL đã xác định một cơ chế đồng bộ về chỉ đạo điều hành để Luật TGPL đi vào cuộc sống. Luật đã xác định trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về TGPL, trách nhiệm của Chính phủ, trách nhiệm của Bộ Tư pháp, các bộ và cơ quan ngang bộ trong phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước về TGPL; xác định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc quản lý nhà nước, bảo đảm biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho tổ chức thực hiện TGPL ở địa phương có khó khăn về kinh tế. Nguồn tài chính của quỹ gồm các đóng góp tự nguyện, tài trợ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Quỹ TGPL Việt Nam hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được miễn thuế. Việc thành lập, quản lý,

sử dụng quỹ do Chính phủ quy định cụ thể. Luật TGPL quy định rõ hình thức TGPL, bao gồm: Luật TGPL còn làm rõ những yêu cầu trong hoạt động quản lý đối với lĩnh vực đặc thù này thông qua các quy định liên quan đến nội dung quản lý nhà nước về TGPL và thiết lập hệ thống trách nhiệm của cơ quan chức năng thực hiện quản lý nhà nước về TGPL.

1.2.3. Hình thức trợ giúp pháp lý

Theo quy định pháp luật hiện hành, người thực hiện TGPL được cung cấp các dịch vụ TGPL bằng các hình thức gồm: Tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và các hình thức TGPL khác như hoà giải, tham gia vào quá trình khiếu nại, kiến nghị. Theo đó, có thể phân chia loại hình TGPL theo 04 hình thức hoạt động như sau:

- Tư vấn pháp luật

Người thực hiện TGPL hướng dẫn, giải đáp, đưa ra ý kiến, cung cấp thông tin pháp luật, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến vụ việc TGPL cho người được TGPL. Tư vấn pháp luật có thể được thực hiện trực tiếp bằng lời nói cho người được TGPL tại trụ sở hoặc ngoài trụ sở; qua điện thoại, bằng văn bản; tư vấn bằng lời nói hoặc bằng văn bản cũng có thể thực hiện thông qua TGPL lưu động; thông qua sinh hoạt của Câu lạc bộ TGPL hoặc tại sinh hoạt chuyên đề pháp luật.

- Tham gia tố tụng

Người thực hiện TGPL tham gia tố tụng hình sự để bào chữa cho người được TGPL là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc để bảo vệ quyền lợi của người được TGPL là người bị hại, là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự; tham gia tố tụng dân sự, tố tụng hành chính để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được TGPL trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Trong vụ án hình sự, Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp; Luật sư cộng tác viên, Luật sư không phải cộng tác viên tham gia tố tụng với tư cách người

bào chữa để bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Trong vụ án dân sự, hành chính, Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên, Luật sư không phải là cộng tác viên, tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

- *Đại diện ngoài tố tụng*

Người thực hiện TGPL làm đại diện ngoài tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL khi họ không thể tự bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước các cơ quan, tổ chức không phải là cơ quan tiến hành tố tụng. Việc đại diện ngoài tố tụng được thực hiện trong phạm vi yêu cầu của người được TGPL.

- *Các hình thức TGPL khác*

+ Tham gia hoà giải giúp người được TGPL tự giải quyết tranh chấp. Khi có yêu cầu hoặc được sự đồng ý của một hoặc các bên, tổ chức thực hiện TGPL cử người thực hiện TGPL làm trung gian để phân tích các tình tiết của vụ việc, giải thích quy định của pháp luật, hướng dẫn để các bên tự thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc mà không phải đưa vụ việc ra Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết, tự nguyện rút đơn kiện, tự giải quyết các tranh chấp và tự nguyện chấp hành kết quả giải quyết vụ việc.

+ Người thực hiện TGPL giúp người được TGPL thực hiện các công việc có liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại hoặc tham gia trong quá trình giải quyết trong trường hợp họ không thể tự mình thực hiện được để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp hoặc thực hiện nghĩa vụ cơ bản của công dân. Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư có quyền tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại theo đề nghị của người khiếu nại là người được TGPL.

+ Kiến nghị thi hành pháp luật: Thông qua hoạt động TGPL, tổ chức thực hiện TGPL kiến nghị bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật.

1.3. Các yếu tố tác động đến hiệu quả trợ giúp pháp lý

Hiệu quả hoạt động TGPL phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Hệ thống thể chế, hệ thống tổ chức, đội ngũ người thực hiện TGPL, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí dành cho hoạt động TGPL, nhận thức của các cơ quan, ban ngành, sự phối hợp trong công tác TGPL, hoạt động truyền thông về TGPL.

1.3.1. Về thể chế

Thể chế đóng vai trò quan trọng bậc nhất đối với hiệu quả hoạt động TGPL. Nếu hệ thống pháp luật về TGPL bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, điều chỉnh toàn diện các vấn đề phát sinh về tổ chức và hoạt động TGPL, các quy định pháp luật phù hợp với yêu cầu thực tiễn, dễ hiểu, dễ vận dụng, công khai, minh bạch sẽ tạo cơ sở pháp lý để bảo đảm cho việc triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động TGPL và ngược lại[40]; nó sẽ kìm hãm sự phát triển. Hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc củng cố, kiện toàn mạng lưới tổ chức thực hiện TGPL, xây dựng, phát triển và nâng cao năng lực đội ngũ người thực hiện TGPL, thúc đẩy việc triển khai các hoạt động TGPL, từng bước nâng cao chất lượng vụ việc, tăng cường công tác quản lý nhà nước và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với nước ngoài về TGPL.

1.3.2. Tổ chức bộ máy và đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý

Tổ chức, bộ máy và người thực hiện TGPL có vai trò quan trọng để bảo đảm hiệu quả hoạt động TGPL, để hoạt động TGPL đạt hiệu quả thì cần có mạng lưới các tổ chức TGPL ở các cấp từ Trung ương đến chính quyền cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ tiếp cận; đội ngũ người thực hiện TGPL có chuyên môn nghiệp vụ, lòng nhiệt tình, tận tâm với nghề nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng tổ chức và hoạt động TGPL ngược lại đội ngũ người thực hiện mỏng, không có năng lực, trình độ, không hiểu biết đầy đủ về các quy định của pháp luật sẽ dẫn đến việc giúp đỡ pháp luật cho người dân không chính xác sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động TGPL, quyền

và lợi ích hợp pháp của công dân. Có thể nói, năng lực, trách nhiệm, kỹ năng và kinh nghiệm nghề nghiệp của người thực hiện TGPL có vị trí tiên quyết để vụ việc TGPL được thực hiện có chất lượng. Vụ việc TGPL không thể có chất lượng nếu người thực hiện là người yếu kém về năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm, không có trình độ pháp luật, hoặc thiếu đạo đức nghề nghiệp và nhận thức xã hội. Hơn nữa, nếu đội ngũ người thực hiện TGPL của Trung tâm TGPL thường xuyên biến động, luân chuyển sẽ dẫn tới tâm lý không yên tâm công tác, cũng như không được chuyên sâu lĩnh vực pháp luật nhất định cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của hoạt động TGPL.

1.3.3. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước

Thực tiễn đã chứng minh, nơi nào cấp ủy Đảng quan tâm, có chủ trương, đường lối lãnh đạo rõ ràng, chỉ đạo sát sao mọi mặt của hoạt động TGPL thì ở nơi đó, chính quyền và các tổ chức đoàn thể phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm trong triển khai hoặc phối hợp để thực hiện TGPL. Đó là yếu tố quan trọng để bảo đảm nâng cao hiệu quả hoạt động TGPL. Sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đối với công tác TGPL; sự phối hợp có hiệu quả của các cơ quan, ban, ngành đối với công tác TGPL và sự ủng hộ của các ngành, các cấp, các đoàn thể xã hội và nhân dân là yếu tố quan trọng bảo đảm cho hoạt động TGPL có hiệu quả cao [53].

1.3.4. Cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động trợ giúp pháp lý

Cơ sở vật chất, kinh phí bảo đảm cho hoạt động TGPL có tác động giám tiếp đến chất lượng hoạt động TGPL. Tuy nhiên, hoạt động TGPL với tính chất là hoạt động TGPL miễn phí, không có thu; do vậy, nếu không có sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động tương xứng với nhu cầu TGPL của nhân dân thì khó có thể đáp ứng được yêu cầu TGPL ngày càng cao của nhân dân và không thể đạt được mục tiêu mà TGPL đặt ra. Nếu không có đủ cơ sở vật chất và kinh phí thì sẽ rất khó khăn trong việc triển khai các hoạt động như: Cung cấp dịch vụ pháp lý, việc tổ chức các đợt TGPL

lưu động về các thôn, bản, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; tuyên truyền pháp luật về TGPL; chi trả thù lao cho các cộng tác viên TGPL; tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao trình độ cho độ ngũ TGVPL, CTVTGPL; thuê luật sư giỏi để giải quyết các vụ việc phức tạp... Kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật và các điều kiện bảo đảm khác là một trong các yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả của công tác TGPL. Nếu không có chúng thì hoạt động TGPL rất khó có thể thực hiện được.

1.3.5. Nhận thức của các cơ quan, ban ngành về trợ giúp pháp lý

Nhận thức đúng và đầy đủ về TGPL có ý nghĩa quan trọng, giúp nâng cao trách nhiệm và sự quan tâm, ủng hộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan, ban, ngành tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ đối với hoạt động TGPL thì hoạt động TGPL mới đạt được hiệu quả. Quan điểm nhận thức đúng đắn, tốt đẹp thì tình cảm, ý thức sẽ đúng đắn, tốt đẹp. Ngược lại quan điểm nhận thức sai, không tốt đẹp thì tình cảm, ý thức sẽ sai, trái không tốt đẹp. Quan điểm nhận thức của các chủ thể (bao gồm chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện TGPL và chủ thể TGPL là tiền đề ý thức) là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho hoạt động này đạt hiệu quả. Từ nhận thức đầy đủ, đúng đắn, sâu sắc về vị trí, vai trò của công tác TGPL, các chủ thể mới có sự đầu tư cần thiết (về trí tuệ, nhân lực, vật lực, thời gian và các điều kiện bảo đảm khác) cho công tác TGPL. Nếu như nhận thức về vị trí, vai trò hoạt động TGPL của chủ thể chưa đầy đủ, chưa thống nhất sẽ dẫn đến hoạt động này chưa nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức hoặc chưa nhận được sự chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời để triển khai có hiệu quả công tác TGPL.

1.3.6. Hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý

Thông tin truyền thông về TGPL giúp người dân biết đến hoạt động TGPL, quyền được TGPL của mình, địa chỉ của các tổ chức TGPL để người được TGPL liên hệ với tổ chức thực hiện TGPL khi có vướng mắc pháp luật,

có nhu cầu để được TGPL. Đồng thời hoạt động truyền thông pháp luật về TGPL còn góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, Đảng viên, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của hoạt động này từ đó có sự quan tâm, phối hợp, tham gia thực hiện hoạt động nhân đạo này.

1.3.7. Sự phối hợp trong hoạt động trợ giúp pháp lý

Hoạt động TGPL không chỉ là nhiệm vụ riêng của các tổ chức TGPL hay của ngành Tư pháp mà cần có sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cơ quan, tổ chức thì mới đạt được hiệu quả ví dụ như sự phối hợp với các cơ quan Nhà nước khác trong việc xác minh thu thập chứng cứ liên qua đến nội dung vụ việc TGPL, hay phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết các vụ án mà người được TGPL là bị can, bị cáo, người bị tạm giam, tạm giữ, người bị hại, người có quyền, lợi ích liên quan; sự phối kết hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình trong việc thực hiện truyền thông về hoạt động TGPL..., nếu sự phối hợp hoạt động TGPL không tốt thì hoạt động TGPL sẽ không đạt được kết quả, hiệu quả và mục tiêu đề ra.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về TGPL trong Chương 1, tác giả tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò của TGPL; tổ chức thực hiện TGPL, nội dung, hình thức; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động TGPL. Những vấn đề lý luận và pháp luật về TGPL được trình bày ở Chương 1 là cơ sở để phân tích, đánh giá thực trạng TGPL miễn phí của Trung tâm TGPL thuộc Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình trong những năm qua.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ Ở TỈNH NINH BÌNH

2.1. Các yếu tố đặc thù của tỉnh Ninh Bình ảnh hưởng đến công tác trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình

Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Ninh Bình cũng tác động trực tiếp đến công tác TGPL của địa phương: Ninh Bình là một đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc lưu vực sông Hồng có diện tích tự nhiên là 1.378,1 km²; dân số 926.995 người, chiếm 5% dân số vùng đồng bằng sông Hồng. Dân cư phân bố theo lãnh thổ không đồng đều, có sự chênh lệch về mật độ dân số giữa các huyện, thành phố (thành phố Ninh Bình có mật độ dân số 2.467 người/ 1km²; huyện Nho Quan có mật độ dân số 331 người/1km²). Tỉnh Ninh Bình có 7 dân tộc là: Kinh, Mường, Hoa, Tày, Thái, Nùng, La Ha. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm 98% tổng dân số của cả tỉnh, dân tộc Mường chiếm 1.7% trong tổng số của toàn tỉnh, còn lại là các dân tộc khác. Tỉnh Ninh Bình có 8 đơn vị hành chính cấp huyện bao gồm: Thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp, huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn, huyện Hoa Lư, huyện Yên Khánh, huyện Yên Mô, huyện Kim Sơn. Và có 146 đơn vị hành chính xã gồm: 96 xã, 43 phường và 7 thị trấn. Về vị trí địa lý và địa hình tỉnh Ninh Bình: Phía Bắc giáp tỉnh Hà Nam; phía Tây Bắc giáp tỉnh Hoà Bình; phía Đông và Đông Nam tiếp giáp với tỉnh Nam Định và biển Đông; phía Tây Nam giáp tỉnh Thanh Hoá; địa hình đa dạng, phức tạp có vùng núi đồi ở phía Tây và Tây Bắc; vùng đồng bằng trũng lại xen kẽ với những dãy núi đá vôi và vùng đồng bằng bằng phẳng phì nhiêu nằm ở phía Đông và Đông nam. Ninh Bình có rừng, núi, đồng bằng, biển và nhiều hồ, sông lớn; có đường giao thông là đường bộ, đường sắt, đường thủy; có các khu danh lam thắng cảnh nổi tiếng trong đó có quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO công nhận là quần thể di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; có nhiều các di sản văn hóa và điểm du lịch nổi tiếng đối với trong nước và quốc tế như: Cố đô Hoa Lư,

Tràng An, Bái Đính, Vườn quốc gia Cúc Phương, Nhà thờ đá Phát Diệm, Tam Cốc - Bích Động...Ninh Bình có 2 tôn giáo chính là Thiên chúa giáo và phật giáo, Thiên chúa giáo du nhập vào Ninh Bình từ thế kỷ 17, có Tòa giám mục Phát Diệm được coi là Thủ phủ của Thiên chúa giáo tại Việt Nam, 65 sứ đạo, 121 họ giáo, người theo đạo Thiên chúa chiếm 15% dân số toàn tỉnh, và tập trung đông nhất ở huyện Kim Sơn. Ninh Bình là một tỉnh có thế mạnh để phát triển du lịch, công nghiệp, nông nghiệp, trong 10 năm gần đây kinh tế của tỉnh Ninh Bình có sự phát triển nhanh, tổng thu ngân sách tăng nhanh nhưng không bền vững, cơ sở hạ tầng được nâng cấp, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, nâng cao hơn so với những năm đầu mới tái lập tỉnh. Tuy nhiên, đánh giá về tổng thể so với các địa phương trong cả nước thì tỉnh Ninh Bình là một tỉnh còn khó khăn, thu chưa đảm bảo đủ chi, còn phải dựa vào sự hỗ trợ, phân bổ ngân sách của Trung ương; tỷ lệ người giàu còn thấp, tỷ lệ người nghèo chiếm một tỷ lệ không nhỏ, là một tỉnh có số lượng lớn người có công với cách mạng, gia đình chính sách và các đối tượng chính sách khác được hưởng hỗ trợ của Nhà nước trên nhiều lĩnh vực, trong đó có hỗ trợ pháp lý miễn phí. Đặc biệt là đại đa số người dân hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đây là một khó khăn, thách thức đòi hỏi các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương phải quan tâm giải quyết. Như vậy, xuất phát từ thực trạng tình hình kinh tế - xã hội của địa phương tỉnh Ninh Bình đã đặt ra đòi hỏi cần phải có giải pháp để nâng cao kết quả, hiệu quả hoạt động của tổ chức thực hiện TGPL.

Đứng trước bối cảnh có sự thay đổi về thể chế, kinh tế - xã hội liên quan đến công tác TGPL và nhu cầu TGPL ngày càng cao và hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL thuộc Sở Tư pháp Ninh Bình còn những tồn tại, hạn chế, bất cập cần phải có giải pháp để nâng cao chất lượng hiệu quả dịch vụ TGPL để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người được TGPL thì

việc nghiên cứu Đề tài: “TGPL từ thực tiễn tỉnh Ninh Bình” là hợp lý, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương đòi hỏi phải giải quyết.

Ngoài ra, ở Ninh Bình sau hơn 09 năm triển khai thi hành Luật TGPL, công tác TGPL đang đặt trong bối cảnh có sự thay đổi lớn về mặt thể chế và yêu cầu ngày càng cao từ thực tiễn. Ngày 28/11/2013, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được ghi nhận, do đó, vai trò của người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ngày càng quan trọng. Hơn nữa, thể chế pháp lý mới liên quan đến hoạt động TGPL như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư; Luật Hình sự sửa đổi, Luật Dân sự sửa đổi, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật Hòa giải ở cơ sở. Đặc biệt trong mối tương quan với việc Quốc hội đã thông qua các Luật về tố tụng, luật về tổ chức bộ máy để phù hợp với Hiến pháp và tình hình thực tiễn mới cũng đòi hỏi Luật TGPL cần có sự nghiên cứu để điều chỉnh cho phù hợp.

Bên cạnh đó, Liên hợp quốc đã thông qua Chương trình Phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2030; Nghị quyết số 67/187 về các nguyên tắc và hướng dẫn về tiếp cận TGPL trong hệ thống tư pháp hình sự thể hiện vấn đề bảo vệ quyền con người và tiếp cận TGPL ngày càng được quốc tế quan tâm.

Do vậy, hoạt động về TGPL của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình cần phải nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động TGPL ở cơ sở, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của cho người nghèo, đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, trẻ em và phụ nữ; góp phần quan trọng trong việc đưa pháp luật vào cuộc sống, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

2.2. Các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về TGPL từng bước đã được hoàn thiện, tính đến tháng 4 năm 2016 đã có hơn 40 văn bản quy phạm pháp luật

hướng dẫn thi hành Luật TGPL được ban hành (03 Nghị định, 01 Chỉ thị, 06 Quyết định, 01 Nghị quyết của Thủ tướng Chính phủ; 10 Thông tư liên tịch, 13 Quyết định và 07 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; 02 Quyết định của Cục trưởng Cục TGPL).

Hệ thống pháp luật về TGPL được xem xét trên các phương diện: Tính toàn diện, tính đầy đủ, tính đồng bộ, tính phù hợp, tính kỹ thuật trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TGPL; nghĩa là văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi, có tính ổn định tương đối, chất lượng kỹ thuật lập pháp với ngôn ngữ diễn đạt rõ ràng, ngắn gọn.

Thứ nhất, về tính toàn diện của hệ thống pháp luật về TGPL: Tính toàn diện là tiêu chuẩn cơ bản thể hiện mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật. Đây cũng là tiêu chí hàng đầu để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về TGPL, cũng như đối với hệ thống pháp luật, tính toàn diện là tiêu chuẩn để “định lượng” pháp luật về TGPL, có ý nghĩa quan trọng nhằm tiếp tục nghiên cứu để “định tính” chúng. Tính toàn diện đòi hỏi pháp luật về TGPL phải có đầy đủ các chế định pháp luật về địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thực hiện của TGPL, về hoạt động TGPL, thể hiện thống nhất trong văn bản quy phạm pháp luật tương ứng, đồng thời trong từng chế định pháp luật đó phải có đầy đủ các quy phạm pháp luật cần thiết đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội hình thành trong lĩnh vực TGPL.

Thứ hai, về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật về TGPL: Hệ thống pháp luật về TGPL phải thống nhất với nhau về nội dung và hình thức, các văn bản quy phạm pháp luật không được chồng chéo, văn phong của gọn gàng, dễ hiểu. Do vậy, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật về TGPL đòi hỏi phải trên cơ sở sự đầy đủ của hệ thống pháp luật, bảo đảm sự ăn khớp, thống nhất và nhất quán giữa các văn bản quy phạm pháp luật, loại bỏ mọi mâu thuẫn, trùng lặp hay chồng chéo trong hệ thống pháp luật về TGPL. Nếu hệ thống pháp luật về TGPL có những quy định không đồng bộ, chứa nhiều mâu

thuần, chông chéo, thì hệ thống pháp luật về TGPL không thể tạo ra sự điều chỉnh pháp luật hiệu quả, thậm chí còn gây khó khăn cho hoạt động thực tiễn. Sự đồng bộ của hệ thống pháp luật về TGPL còn được thể hiện ở sự thống nhất các quy phạm và giữa các chế định pháp luật trong các quan hệ cấu trúc tạo ra logic nhất quán trong việc điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình TGPL.

Thứ ba, về tính phù hợp của hệ thống pháp luật về TGPL thể hiện sự tương quan giữa trình độ của hệ thống pháp luật và tiến trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Hệ thống pháp luật phải phản ánh đúng trình độ phát triển kinh tế- xã hội, nó không thể cao hơn hoặc thấp hơn trình độ phát triển. Tính phù hợp của hệ thống pháp luật thể hiện nhiều mặt, khi xem xét nội dung pháp luật về TGPL phải phù hợp với thực tiễn của đời sống xã hội. Thực tiễn cho thấy, sự điều chỉnh các quan hệ xã hội của pháp luật sẽ không có hiệu quả nếu pháp luật đó không gắn với thực tiễn và như vậy, nó sẽ không thúc đẩy các quan hệ xã hội phát triển, thậm chí nó còn kìm hãm sự phát triển của xã hội. Chẳng hạn, hiện nay, một số quy định về đối tượng người có công với cách mạng được bổ sung; vì thế, để mở rộng đối tượng được TGPL cho phù hợp với Luật TGPL và các văn bản pháp luật khác hiện hành, Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 của Chính phủ đã quy định bổ sung thêm đối tượng được TGPL so với Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/1/2007 [54].

Thứ tư, về trình độ kỹ thuật pháp lý, triệt để tôn trọng, bảo vệ tính thượng tôn của pháp luật: Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về TGPL phải được tiến hành một cách khoa học, đúng nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, và trình tự về thủ tục ban hành. Mỗi văn bản quy phạm pháp luật về TGPL phải có kết cấu văn bản hợp lý, hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng, ngôn từ chính xác, phổ thông; thực hiện công bằng, nghiêm minh trong xử lý vi phạm pháp luật; triệt để tôn trọng, bảo vệ tính thượng tôn của

pháp luật. Xử lý đến nơi, đến chốn, nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật tất cả các vụ việc vi phạm pháp luật, bất kể là ai? Đặc biệt là các vụ việc vi phạm pháp luật của cán bộ, đảng viên, những người có trách nhiệm bảo vệ và thi hành pháp luật.

Như vậy, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất, kỹ thuật lập hiến của pháp luật về TGPL là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện hoạt động về TGPL là một nguyên tắc, yêu cầu khách quan, tất yếu trong hệ thống pháp luật về TGPL. Không những thế, đây còn là căn cứ để đánh giá hiệu quả, hiệu lực trong tổ chức và hoạt động TGPL, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần hoàn thiện bộ máy Nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, hướng tới xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân của Đảng và Nhà nước ta.

2.3. Thực trạng tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình (từ khi có Luật trợ giúp pháp lý năm 2007 đến nay)

2.3.1. Tổ chức bộ máy của Trung tâm trợ giúp pháp lý, Sở Tư pháp Ninh Bình

Ngay sau khi có quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập các tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách, địa phương tỉnh Ninh Bình là một trong 07 tỉnh, thành phố Trung ương được Bộ Tư pháp chọn làm điểm thành lập Trung tâm TGPL trực thuộc Sở Tư pháp để thực hiện TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và ngày 06/10/1997 UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số: 1159/QĐ - UB về việc thành lập Trung tâm TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách thuộc Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình và đến năm 2006 có Luật TGPL ngày 07/6/2007 UBND tỉnh Ninh Bình Ban hành Quyết định số 1348/QĐ - UBND về việc đổi tên và bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình (thay thế Quyết định số 1159/QĐ-UB ngày 06/10/1997 của UBND tỉnh Ninh Bình). Theo quyết định của Luật

TGPL và theo quy định của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và UBND tỉnh Ninh Bình thực hiện cụ thể hoá theo phân cấp của Thông tư liên tịch của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ thì Trung tâm TGPL là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Sở Tư pháp, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ Cục TGPL thuộc Bộ Tư pháp. Trung tâm TGPL có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng, biên chế, kinh phí và các cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của Trung tâm do UBND tỉnh quyết định và được hỗ trợ vật chất kinh phí và cơ sở vật chất của các tổ chức trong và ngoài nước theo nội dung của Chương trình, Đề án của các tổ chức tài trợ liên quan đến hoạt động TGPL miễn phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Kể từ khi được thành lập cho đến nay, tổ chức bộ máy của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình đã được quan tâm kiện toàn, cụ thể: Khi mới thành lập Trung tâm TGPL chỉ có 3 cán bộ (Giám đốc Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình do giám đốc Sở Tư pháp kiêm nhiệm, một Phó giám đốc Trung tâm TGPL làm chuyên trách và một cán bộ kế toán của Trung tâm TGPL do kế toán Sở Tư pháp Ninh Bình kiêm nhiệm và 28 CTVTGPL do cán bộ, công chức thuộc các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể ở địa phương tỉnh Ninh Bình kiêm nhiệm gồm 20 CTVPL cấp tỉnh và 08 CTVPL cấp huyện. Nhưng đến nay (tại thời điểm tháng 6 năm 2016) Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình hiện có 16/18 biên chế. Về cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm TGPL hiện tại gồm có: Giám đốc; 01 Phó Giám đốc; 02 phòng (phòng hành chính - tổng hợp và phòng chuyên môn nghiệp vụ) và một Chi nhánh TGPL, trong 02 phòng có một phòng đã có trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ, riêng phòng hành chính - tổng hợp chưa có Trưởng phòng; lãnh đạo của Chi nhánh TGPL do Trưởng phòng nghiệp vụ Trung tâm TGPL đang kiêm nhiệm, trong 16 biên chế của Trung tâm TGPL hiện có gồm: 07 TGVPL (trong đó có Giám đốc và

Phó giám đốc Trung tâm TGPL); 07 chuyên viên pháp lý (trong đó, có 03 chuyên viên là hợp đồng lao động có thời hạn) 01 kế toán và 01 thủ quỹ.

Đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình hiện nay có 01 viên chức là thạc sỹ Luật, 14 viên chức là cử nhân luật, 01 viên chức là cử nhân kinh tế, nhìn chung đội ngũ cán bộ, chuyên môn nghiệp vụ của Trung tâm TGPL được đào tạo chủ yếu theo hệ tại chức là chính, có 08 cử nhân Luật được đào tạo theo hệ chính quy nhưng năng lực về chuyên môn còn rất hạn chế lại thiếu kinh nghiệm và kỹ năng hoạt động TGPL. Hiện tại ngoài đội ngũ cán bộ viên chức, lao động của Trung tâm TGPL như đã nêu thì Trung tâm đang có một đội ngũ CTVTGPL để cùng phối hợp với Trung tâm TGPL thực hiện các hoạt động TGPL miễn phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình với số lượng là 89 CTVTGPL là cán bộ, công chức, viên chức và lao động thuộc các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể chính trị và tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh kiêm nhiệm, gồm: 12 CTVTGPL là Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình; 25 CTVTGPL là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các Sở, Ban, ngành, tổ chức đoàn thể ở tỉnh; 20 CTVTGPL là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan nhà nước, đoàn thể cấp huyện; 32 CTVTGPL là cán bộ, công chức thuộc các xã, phường, thị trấn của tỉnh. Ngoài ra, Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình có 28 Luật sư thuộc 11 văn phòng Luật sư đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và 12 tư vấn viên pháp luật thuộc các Trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh như: Trung tâm tư vấn pháp luật của Hội luật gia tỉnh Ninh Bình, của Hội phụ nữ tỉnh Ninh Bình, tham gia phối hợp thực hiện TGPL miễn phí theo Chương trình dự án có liên quan và có 44 Câu lạc bộ (CLB) TGPL được thành lập tại các xã, phường, thị trấn do Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình phối hợp với các xã, phường, thị trấn thành lập đã thu hút được hàng nghìn người tham gia sinh hoạt CLB. Với đội ngũ CTV và Hội viên của các CLB đông đảo như vậy đã tạo được thuận lợi nhất định cho Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình

trong tổ chức thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý miễn phí cho các đối tượng của mình. Tuy nhiên, hoạt động phối hợp của các CTV, của các Hội viên CLB TGPL với Trung tâm TGPL trong thực hiện các cuộc TGPL, trong tư vấn hỗ trợ pháp lý giải quyết từng vụ việc cụ thể theo từng lĩnh vực cụ thể thì có vụ việc thuộc một số lĩnh vực đạt được chưa cao như: Hình sự, hành chính, đất đai,...do trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực giải quyết vụ việc của CTV TGPL và Hội viên của các CLB TGPL còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu, đồng thời có một phần do chế độ chính sách đối với CTV TGPL; Hội viên CLB TGPL chưa cao, chưa đủ để động viên họ nên một số CTV TGPL và một số Hội viên Câu lạc bộ TGPL và một số CTV TGPL chưa nhiệt huyết, tận tụy nên đã ảnh hưởng nhất định đến kết quả và hiệu quả TGPL miễn phí của Trung tâm TGPL.

2.3.2. Hoạt động trợ giúp pháp lý của Trung tâm TGPL, tỉnh Ninh Bình

2.3.2.1. Về cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật

Qua hơn 9 năm thực hiện TGPL miễn phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định của Luật TGPL, Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình đã thực hiện TGPL được 7658 vụ việc và được chia theo hình thức TGPL gồm: tham gia tố tụng 492 vụ việc (thực hiện việc đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người được TGPL là: 01 vụ việc; thực hiện việc bào chữa cho người được TGPL là 491 vụ việc); thực hiện tư vấn pháp lý cho người được TGPL tại trụ sở làm việc của Trung tâm TGPL và tại trụ sở làm việc của Chi nhánh TGPL thuộc Trung tâm TGPL là 414 vụ việc; thực hiện tư vấn pháp lý cho người được TGPL thông qua các đợt TGPL lưu động tại cơ sở là: 7235 vụ việc, cụ thể được phân theo tiêu chí như sau:

- Theo lĩnh vực TGPL thì Trung tâm TGPL đã thực hiện TGPL cho 487 vụ việc hình sự; 815 vụ việc dân sự; 435 vụ việc hôn nhân và gia đình; 258 vụ việc hành chính; 2.847 vụ việc đất đai; 15 vụ việc lao động; 2.226 vụ việc về chính sách ưu đãi và 575 vụ việc thuộc lĩnh vực khác.

- Theo đối tượng được TGPL thì Trung tâm TGPL đã thực hiện TGPL cho 1.792 vụ việc thuộc đối tượng người nghèo; 2263 vụ việc thuộc đối tượng người có công với cách mạng; 499 vụ việc thuộc đối tượng là dân tộc thiểu số; 438 vụ việc thuộc đối tượng người chưa thành niên; 61 vụ việc thuộc đối tượng người tàn tật; 56 vụ việc thuộc đối tượng người già không nơi nương tựa; 22 vụ việc thuộc đối tượng là nạn nhân của bạo lực gia đình; 01 nạn nhân vụ mua bán người; 105 vụ việc thuộc đối tượng khác; 2460 vụ việc không thuộc đối tượng TGPL.

- Theo người thực hiện TGPL thì Trung tâm TGPL đã thực hiện TGPL là: 4.943 vụ việc do TGV TGPL; 521 vụ việc do CTVTGPL và Luật sư thực hiện; 1.474 vụ việc do CTVTGPL khác thực hiện. Kết quả các vụ việc sau khi được Trung tâm TGPL là: 45% vụ việc đã được giải quyết xong; 25% vụ việc vẫn còn đang tiếp tục xem xét để giải quyết; 30% chưa được các cơ quan, tổ chức có liên quan xem xét giải quyết (*có các phụ lục 1, 2, 3 kèm theo*).

Qua kết quả thực hiện TGPL hơn 09 năm qua của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình cho thấy số lượng vụ việc mà các đối tượng được TGPL đề nghị được TGPL là rất nhiều và Trung tâm TGPL đã thực hiện TGPL giải quyết hoàn thành xong được 1 tỷ lệ đáng ghi nhận, trong các vụ việc TGPL giải quyết xong có những vụ việc hết sức phức tạp kéo dài trong nhiều năm và đã qua giải quyết nhiều lần của các cơ quan có thẩm quyền nhưng chỉ đến khi có sự hỗ trợ pháp lý, có sự vào cuộc của Trung tâm TGPL mới được giải quyết như vụ tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông **Phạm Văn Phụng với hộ gia đình ông Phạm Văn Sinh, ở xã Hội Ninh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình** hay giữa 109 hộ gia đình tại xã Ninh Xuân huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình đòi về bồi thường đất mạ với Hội đồng giải phóng mặt bằng và UBND huyện Hoa Lư.... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được về bào chữa, đại diện, tư vấn, hỗ trợ pháp lý thì cho thấy còn khá nhiều vụ việc của người được TGPL yêu cầu vẫn chưa được các cấp chính quyền có liên quan giải quyết dứt

điểm hoặc chưa được giải quyết như đã nêu trên, những tồn tại hạn chế này có nguyên nhân khách quan và cũng có nguyên nhân chủ quan (sẽ được đánh giá cụ thể tại phần sau).

2.3.2.2. Hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý

Thực hiện chỉ thị số 35/2006/ CT -TTg ngày 13/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Luật TGPL, UBND tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp ở địa phương tổ chức triển khai tuyên truyền Luật TGPL và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành đến lãnh đạo chủ chốt của các cấp, các ngành; đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, TGVPL, CTVTGPL, Luật sư, Luật gia, Thẩm phán, Kiểm sát viên và Điều tra viên để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp Đảng, chính quyền địa phương đối với công tác TGPL miễn phí; để nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Tư pháp, các cơ quan có liên quan trong việc phối hợp với Trung tâm TGPL để giải quyết những vụ việc TGPL mà đối tượng được TGPL yêu cầu. Đặc biệt là Trung tâm TGPL đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể và UBND cấp xã, các cơ quan truyền thông địa phương như: Đài phát thanh và truyền hình Ninh Bình, Báo Ninh Bình, bản tin Tư pháp, bản tin của các ngành ở địa phương, đài truyền thanh cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiều hình thức tuyên truyền phổ biến Luật TGPL và những quy định khác của pháp Luật về TGPL; hoặc xây dựng những bản tin, băng đĩa VCD, các tờ gấp đăng tải những quy định của pháp luật về TGPL miễn phí, về hỏi đáp pháp luật, về tình huống pháp luật để cấp phát cho các địa phương, niêm yết tại các nhà văn hoá thôn, xóm, tổ dân phố; phát trên đài phát thanh và cấp phát trực tiếp cho người dân để tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho người dân: Được tiếp cận, được tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật về TGPL miễn phí; để người dân nắm được hệ thống tổ chức thực hiện TGPL miễn phí cho họ; nắm được trình tự thủ tục thực hiện cụ thể của từng vụ việc đề nghị được TGPL; nắm được quyền và nghĩa vụ của mình khi thực hiện yêu cầu, đề nghị

được hỗ trợ pháp lý, để góp phần vào việc nâng cao nhận thức pháp luật của nhân dân, nâng cao ý thức chấp hành, thực hiện pháp luật của nhân dân. Có thể đánh giá, công tác truyền thông về TGPL miễn phí của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình trong những năm qua đã chú trọng triển khai, tổ chức, thực hiện hoạt động truyền thông về TGPL đã đạt được những kết quả, hiệu quả đáng ghi nhận, cụ thể: Qua hoạt động truyền thông đã tác động tích cực đến nhận thức, trách nhiệm của các cấp Ủy đảng và chính quyền các cấp nên hoạt động của Trung tâm TGPL được quan tâm đầu tư, chỉ đạo của cấp uỷ chính, quyền địa phương ngày càng khá hơn, đặc biệt giúp cho các cơ quan nhà nước nhìn nhận, xem xét lại những quyết định của mình (vì hầu hết các vụ việc mà đối tượng yêu cầu được TGPL miễn phí đều liên quan đến quyết định của cơ quan nhà nước, đến hành vi hành chính của cơ quan nhà nước); hoạt động truyền thông về TGPL miễn phí đã góp phần nâng cao dân trí pháp luật; giúp người dân giải quyết vụ việc tranh chấp của mình; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được thuận lợi, nhanh chóng, đúng nơi, đúng chỗ, đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả, hiệu quả đạt được trong hoạt động truyền thông về TGPL của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình trong những năm qua còn những khó khăn, tồn tại đó là: Kinh phí đầu tư cho hoạt động truyền thông còn quá thấp, truyền thông tập trung theo chuyên đề, thời vụ, chưa thường xuyên, liên tục, chưa thực hiện được đồng đều trên tất cả các vùng miền; hình thức truyền thông chưa được đổi mới cho phù hợp với từng địa bàn, từng đối tượng.

2.3.2.3. Về hoạt động trợ giúp pháp lý tại cơ sở.

Do xuất phát từ đặc điểm đặc thù của người được TGPL miễn phí là đa số họ đều là những đối tượng khó khăn về kinh tế vì thế để có một nguồn kinh phí chi phí cho việc đi lại đến trụ sở của cơ quan thực hiện TGPL cho họ là rất khó khăn. Do đó, để tạo điều kiện cho người được TGPL miễn phí về thời gian và hỗ trợ người được TGPL một khoản kinh phí đáng ra họ phải bỏ

ra như: Tiền tàu xe, tiền ăn để đến được trụ sở của Trung tâm TGPL để đề nghị được TGPL, Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình đã phối hợp với các Phòng Tư pháp các huyện, thành phố, các ngành, các đoàn thể ở tỉnh và UBND cấp xã thực hiện các cuộc TGPL lưu động cho các đối tượng tại cơ sở. Cụ thể trong hơn 9 năm qua, Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình đã thực hiện được 416 đợt TGPL lưu động tại cơ sở, thu hút được 13.913 lượt người tham dự và thực hiện tư vấn pháp luật cho 6.012 vụ việc; trong đó đã thực hiện hòa giải giải quyết xong tại chỗ 10 vụ việc thuộc lĩnh vực tranh chấp đất đai, tranh chấp hợp đồng dân sự và tạo điều kiện, hỗ trợ cho người thực hiện giải quyết thuận lợi vụ việc, cũng qua TGPL lưu động Trung tâm TGPL đã kiến nghị giải quyết xong được 67 vụ việc khiếu kiện kéo dài. Thông qua hoạt động TGPL lưu động, Trung tâm TGPL đã kết hợp thực hiện tư vấn với phổ biến pháp luật phù hợp như: Tổ chức phổ biến pháp luật cho một nhóm người có cùng chung một vướng mắc pháp luật, hay kết hợp cấp phát tờ gấp pháp luật và đã cấp phát được 198.660 tờ gấp pháp luật các loại. Hoặc việc TGPL lưu động còn được thực hiện thông qua sinh hoạt định kỳ hàng tháng của các CLB TGPL tại cơ sở như: Nói chuyện chuyên đề pháp luật, phổ biến nội dung một số văn bản pháp luật, giải đáp những vướng mắc về pháp luật của các Hội viên CLB TGPL. Đối với vụ việc phức tạp vượt quá khả năng giải quyết của thành viên Ban chủ nhiệm và nếu thuộc diện TGPL thì hướng dẫn họ đến với tổ chức thực hiện TGPL. Như vậy, qua kết quả thực hiện hoạt động TGPL lưu động như đã nêu trên, cho thấy việc thực hiện TGPL lưu động tại cơ sở là rất cần thiết, thuận lợi, hiệu quả cho cả địa phương và cho cả người dân nói chung và người được thụ hưởng dịch vụ TGPL nói riêng. Tuy nhiên, trong hoạt động TGPL lưu động có khó khăn đó là: Kinh phí hạn chế nên không tổ chức được thường xuyên, số lượng các cuộc tổ chức lưu động mỗi năm không nhiều, phương tiện đi lại không có, phải đi thuê nên rất tốn kém, đòi hỏi năng lực của cán bộ TGPL rất cao, là người phải có năng lực, nắm chắc pháp luật,

hiểu biết nhiều lĩnh vực, có kinh nghiệm thực tế để khi nghe người đề nghị TGPL nêu ra nội dung cần được TGPL là có thể trả lời giải đáp tư vấn cho họ được ngay, đây cũng là hạn chế ảnh hưởng kết quả hiệu quả của hoạt động TGPL tại cơ sở.

2.3.2.4. Về bồi dưỡng tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ

Nhận thức hoạt động TGPL phụ thuộc rất lớn vào năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng thực hiện TGPL của cán bộ, do đó trong những năm qua Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình đã tập trung tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp chỉ đạo và triển khai tổ chức tập huấn nghiệp vụ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ người thực hiện TGPL. Trong hơn 9 năm qua, Trung tâm TGPL đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức được 50 lớp tập huấn chuyên môn cho TGVPL, CTVTGPL, thành viên Ban chủ nhiệm CLB TGPL, Luật sư, Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán Tòa án nhân dân với số lượng 5.143 lượt người tham dự và tổ chức 07 cuộc hội thảo chuyên đề về nâng cao hiệu quả hoạt động của CTVTGPL cho toàn bộ CTVTGPL của tỉnh. Tổ chức 07 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ trại tạm giam, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán của cấp tỉnh, cấp huyện và Quân đoàn 1 với số lượng 863 lượt người tham dự. Tổ chức 15 lớp tập huấn kỹ năng TGPL cho toàn bộ TGVPL, CTVTGPL. Tổ chức 28 Hội nghị triển khai phổ biến Luật TGPL và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác TGPL cho cán bộ Tư pháp cấp xã, thành viên Ban Chủ nhiệm CLB TGPL, Trưởng thôn, xóm, tổ dân phố với số lượng người tham dự là 3.612 lượt người. Qua tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về TGPL hàng năm đã truyền tải được những nội dung cơ bản của các văn bản quy phạm pháp luật về TGPL liên quan đến TGPL; củng cố, bổ sung kiến thức pháp luật, kỹ năng hoạt động cho đội ngũ cán bộ làm công tác TGPL, những cán bộ có liên quan đến hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL. Tuy nhiên, do điều kiện kinh phí khó khăn nên chưa tổ chức được nhiều các cuộc

tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, thời gian tổ chức mỗi cuộc tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ còn ngắn; không đủ kinh phí để mời được những giảng viên, báo cáo viên có trình độ cao để truyền đạt được những nội dung cần tập huấn do đó dẫn đến chất lượng của các đợt tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đạt được còn hạn chế, chưa cao; hình thức các cuộc tập huấn chưa được đổi mới, còn nặng nề nghe giảng viên, báo cáo viên nói, chưa có trao đổi thảo luận, chưa dành nhiều thời gian để giải quyết những thắc mắc của học viên tham gia lớp tập huấn.

2.3.2.5. Về công tác phối hợp trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

Trong hoạt động TGPL miễn phí, Trung tâm TGPL luôn nhận thức đánh giá cao vai trò quan trọng trong việc phối hợp với các cấp, các ngành ở địa phương để triển khai, tổ chức, thực hiện các hoạt động TGPL, để giải quyết các vụ việc TGPL miễn phí mà Trung tâm TGPL đã thụ lý để hỗ trợ đối tượng được TGPL giải quyết vụ việc. Đặc biệt để thực hiện có hiệu quả việc hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng được TGPL có vụ việc liên quan đến các cơ quan Tư pháp và thực hiện nghiêm túc Thông tư liên tịch số 11/2013/ TTLT-BTP- BCA-BQP-BTC- VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ công an, Bộ trưởng bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về TGPL trong hoạt động tố tụng, Trung tâm TGPL đã tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình quyết định thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng gồm đại diện lãnh đạo: Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Sở tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, văn phòng Bộ tư lệnh Quân khu 1, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Trung tâm TGPL để tham mưu giúp thủ Trưởng các cơ quan này thống nhất chỉ đạo công tác phối hợp thực hiện TGPL trong hoạt động tố tụng ở địa phương. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ Hội đồng phối

hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tổ tụng ở địa phương, Hội đồng đã xây dựng và ban hành quy chế hoạt động để phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho từng thành viên của Hội đồng. Nhìn chung, kể từ khi có Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tổ tụng thì việc thực hiện hỗ trợ pháp lý của Trung tâm TGPL cho các đối tượng được TGPL liên quan đến các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương cũng được thuận lợi hơn trước khi chưa có Hội đồng; kết quả qua hơn 09 năm thực hiện Luật TGPL Trung tâm TGPL đã cử CTV là luật sư, TGVPL tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đối tượng được TGPL miễn phí là 488 vụ việc. Ngoài ra, Trung tâm TGPL thuộc Sở Tư pháp đã tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp Ninh Bình phối hợp với Hội Cựu chiến binh tỉnh Ninh Bình ký kết chương trình phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật TGPL đối với Cựu chiến binh; thực hiện Chương trình ký kết, Trung tâm TGPL tỉnh đã phối hợp với Hội Cựu chiến binh các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền pháp luật với TGPL lưu động cho 27 xã, phường, thị trấn thuộc huyện Yên Mô, Kim Sơn, thị xã Tam Điệp cho 947 Hội viên của Hội Cựu chiến binh. Tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Ninh Bình ký kết Chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật và TGPL cho Hội viên phụ nữ trên địa bàn tỉnh; thực hiện chương trình ký kết, Trung tâm tỉnh Ninh Bình đã phối hợp với Ban chính sách của Hội phụ nữ tỉnh Ninh Bình và Trung tâm tư vấn pháp luật của Hội phụ nữ tỉnh Ninh Bình tổ chức được 33 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật kết hợp với TGPL cho các Hội viên của Hội phụ nữ tại 05 xã. Phối hợp với Hội nông dân các cấp ở địa phương thực hiện 13 cuộc TGPL cho các Hội viên của Hội nông dân thuộc Hội viên của 13 Câu lạc bộ nông dân với pháp luật có 966 hội viên. Trong các hoạt động phối hợp thực hiện TGPL nhất là phối hợp thực hiện các cuộc TGPL lưu động là rất quan trọng, do đó Trung tâm TGPL luôn có sự phối hợp chặt chẽ với Phòng

Tư pháp, với cán bộ Tư pháp- Hộ tịch cấp xã và cấp uỷ, chính quyền địa phương cấp xã để thực hiện, do đó việc tổ chức các cuộc TGPL tại cơ sở luôn có được những thuận lợi nhất định.

Tóm lại: Hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình, trong những năm qua đã có sự phối hợp với các cấp, các ngành để triển khai, tổ chức, thực hiện do đó đã góp phần nâng cao kết quả, hiệu quả hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên, công tác phối hợp chưa được thường xuyên do phụ thuộc vào kinh phí để tổ chức thực hiện những nội dung của chương trình phối hợp hoặc do tính chất công việc, nhiệm vụ của các cơ quan phối hợp trong từng giai đoạn cần phải tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện do đó việc dành thời gian, cử cán bộ tham gia vào thực hiện nội dung của chương trình ký kết phối hợp với Trung tâm TGPL là khó khăn.

2.3.2.6. Về công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát luôn được Giám đốc Sở Tư pháp Ninh Bình và Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình chú trọng đánh giá cao vai trò của hoạt động kiểm tra, giám sát đối với công tác tổ chức và hoạt động TGPL miễn phí bằng việc có Quy chế nêu cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan TGPL, nêu cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, TGVPL, CTVTGPL, cán bộ làm việc tại Trung tâm TGPL; bằng việc yêu cầu Trung tâm TGPL, cán bộ làm việc tại Trung tâm TGPL làm việc phải có kế hoạch, chương trình cụ thể được người có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện, quá trình triển khai, tổ chức, thực hiện phải có kiểm tra giám sát, khi thực hiện xong phải có đánh giá, sơ kết, tổng kết. Do chú trọng công tác kiểm tra, giám sát nên trong quá trình thực hiện các hoạt động TGPL miễn phí trong những năm qua luôn bảo đảm đúng quy định của pháp luật và không để xảy ra khiếu kiện gì. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát trong những năm qua, có nơi, có lúc, có công việc còn hạn chế, không thực hiện đầy đủ liên tục trong suốt cả quá trình triển khai, tổ chức, thực hiện công việc do đó

cũng ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả hoạt động TGPL miễn phí của Trung tâm TGPL thuộc Sở Tư pháp Ninh Bình trong những năm qua.

2.3.2.7. Về cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho hoạt động và ứng dụng công nghệ thông tin

- Về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động: Trung tâm TGPL được bố trí 05 phòng làm việc trong khuôn viên trụ sở làm việc của Sở Tư pháp Ninh Bình và 04 phòng làm việc cho Chi nhánh TGPL trong khuôn viên trụ sở làm việc của Phòng Công chứng nhà nước số 2 (tại thành phố Tam Điệp), có 17 máy vi tính, 18 bàn làm việc, 05 máy điều hoà nhiệt độ, 17 tủ đựng tài liệu, 01 máy photocopy, 01 bộ âm ly, 01 camera, 01 máy chiếu và các trang thiết bị khác. Nhìn chung về trụ sở làm việc và cơ sở, vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động tại Trung tâm TGPL là tạm ổn, nhưng để phục vụ cho các cuộc TGPL lưu động tại cơ sở, vì khi đi thực hiện TGPL lưu động tại cơ sở phải có một đội ngũ cán bộ đủ để thực hiện TGPL cho các đối tượng trên nhiều lĩnh vực pháp luật lại được tổ chức ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao nên phải có phương tiện giao thông như ô tô để phục vụ mới phù hợp và đỡ chi phí tốn kém phải đi thuê ô tô ngoài khi mỗi lần thực hiện TGPL lưu động tại cơ sở.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin: Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL còn rất hạn chế như: Mới chỉ áp dụng để khai thác văn bản quy phạm pháp luật để phục vụ cho hoạt động TGPL, soạn thảo văn bản phục vụ cho công tác quản lý chưa có phần mềm ứng dụng riêng cho từng lĩnh vực TGPL miễn phí; chưa có phần mềm hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật theo từng lĩnh vực để phục vụ cho hoạt động, hay chưa có cơ sở dữ liệu cập nhật văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, cũng ảnh hưởng nhất định đến kết quả, hiệu quả hoạt động TGPL miễn phí của Trung tâm TGPL trong những năm qua.

Từ những trình bày trên đây, có thể đánh giá chung về hoạt động trợ giúp pháp lý tại tỉnh Ninh Bình thời gian qua như sau:

a/ Những kết quả đạt được

- Về tổ chức bộ máy và tổ chức cán bộ, công chức, viên chức của Trung tâm TGPL; tổ chức đội ngũ TGV TGPL, CTV TGPL, CLB TGPL đã được quan tâm chỉ đạo kiện toàn số lượng ngày càng tăng như: Khi mới thành lập Trung tâm TGPL chỉ có 3 cán bộ (trong đó có 1 cán bộ chuyên ngành, 2 cán bộ kiêm nhiệm), đến nay Trung tâm TGPL đã có 16 cán bộ, công chức làm việc chuyên trách; CTV TGPL có 28 người, nhưng đến nay đã lên đến 89 CTV và có cả CTV cấp xã; trước kia chưa có CLB TGPL tại cơ sở thì nay đã có 44 CLB TGPL ở cơ sở nơi có số hội viên đông đảo, đây cũng một thuận lợi cho hoạt động TGPL miễn phí của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình.

- Về cơ sở vật chất trang thiết bị và kinh phí phục vụ cho hoạt động của Trung tâm TGPL đã được quan tâm đầu tư hơn trước như: Phòng làm việc được đầu tư tăng lên, các trang thiết bị thiết yếu phục vụ cho hoạt động được tăng hơn nhiều so với những năm trước, do đó cũng tạo ra được thuận lợi cho Trung tâm TGPL hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động TGPL.

- Công tác TGPL miễn phí của Trung tâm TGPL đã được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp ở địa phương hơn trước; có sự phối hợp của các cấp, các ngành ở địa phương nhiều và chặt chẽ hơn, do đó cũng tạo được thuận lợi nhất định cho Trung tâm TGPL hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và pháp luật về TGPL nói riêng được chú trọng chỉ đạo, đầu tư kinh phí; hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật được thực hiện tương đối đa dạng, với nhiều hình thức; kết quả hoạt động tuyên truyền pháp luật đã tác động thay đổi nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện và cấp xã trong việc cho rằng việc Trung tâm TGPL hỗ trợ pháp luật cho người dân là làm phức tạp

vấn đề ở địa phương vì đại đa số những vụ việc mà người dân đề nghị được TGPL của Trung tâm TGPL là liên quan đến các cơ quan quản lý Nhà nước mà trực tiếp là cơ quan Nhà nước cấp huyện và cấp xã; đã giúp người dân hiểu biết pháp luật qua đó để thực hiện đúng pháp luật, biết được rõ hơn quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, qua đó hạn chế việc khiếu kiện không đúng của người dân, hoặc khiếu kiện vượt cấp, khiếu kiện không đúng thẩm quyền giải quyết vụ việc, gây tốn kém cho người đi khiếu kiện.

- Đã giúp các đối tượng được TGPL giải quyết được khá nhiều vụ việc đúng quy định của pháp luật; quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL được bảo vệ, bảo đảm; có một số vụ việc phức tạp, khiếu kiện nhiều năm, qua nhiều lần giải quyết của các cấp chính quyền như đã nêu tại phần thực trạng đến khi được Trung tâm TGPL giúp đỡ làm việc trực tiếp với đối tượng và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết thì đã được giải quyết. Đặc biệt thông qua hoạt động TGPL đã giúp cho các cơ quan Nhà nước xem xét và khắc phục kịp thời những sai phạm do quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình thực hiện.

- Kết quả hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL đạt được trên từng lĩnh vực mà Trung tâm TGPL thực hiện đã đóng góp một phần vào bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, thực hiện ngày càng hiệu quả hơn, chính xác hơn; góp phần giảm đói, nghèo nói chung và trong lĩnh vực pháp luật nói riêng.

b/ Những khó khăn, hạn chế tồn tại đã ảnh hưởng đến kết quả hiệu quả hoạt động TGPL trong những năm qua đó là:

- Tổ chức bộ máy tuy được kiện toàn ổn định đủ về số lượng, nhưng chất lượng của đội ngũ cán bộ, viên chức, TGVPL còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Cụ thể, tuy 100% cán bộ, viên chức của Trung tâm TGPL đều có trình độ cử nhân trở lên, trong đó có một Thạc sỹ luật, song chủ yếu là học hệ tại chức, không tập trung, có kinh nghiệm thực tế và kỹ năng làm việc nhưng hiểu được những quy định của pháp luật và áp dụng, vận

dụng các quy định của pháp luật vào giải quyết các vụ việc là hạn chế; khoảng 40% cán bộ, viên chức có trình độ cử nhân Luật được đào tạo chính quy song được đào tạo chủ yếu tại các khoa Luật của các trường Đại học có đầu thi vào trường rất thấp nên kiến thức chuyên môn thấp hơn các trường khác như: Đại học luật Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, tuổi đời còn trẻ chủ yếu độ tuổi 25 đến 35 tuổi, chưa có kinh nghiệm thực tế, kỹ năng làm việc chưa có. Đây là nguyên nhân chính ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả và hiệu quả hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL thuộc Sở Tư pháp Ninh Bình trong những năm qua.

- Thể chế quy định về trách nhiệm trong công tác phối hợp thực hiện các hoạt động TGPL miễn phí giữa các cơ quan khác với ngành Tư pháp ở địa phương và với Trung tâm TGPL chưa có nên chưa đề cao hết trách nhiệm của các cơ quan, do đó hiệu quả phối hợp phụ thuộc rất lớn vào năng lực của cơ quan Tư pháp ở địa phương và Trung tâm TGPL. Hoặc thể chế quy định về chính sách cho cán bộ, viên chức của Trung tâm TGPL chưa phù hợp nên không động viên kịp thời được cán bộ, viên chức, cụ thể theo quy định của pháp luật thì chỉ có TGVPL mới được hưởng phụ cấp 25% phụ cấp công vụ, còn các cán bộ viên chức khác không có.

- Đội ngũ CTVTGPL của Trung tâm TGPL tuy có số lượng lớn hơn những năm đầu thành lập Trung tâm TGPL (hiện tại có 89 CTVTGPL) và được trải đều cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã), tuy nhiên chất lượng hoạt động và năng lực thực hiện việc TGPL còn rất hạn chế vì: Một số CTV là Luật sư nhưng đều là những người trước kia từng làm việc trong các cơ quan Tư pháp ở địa phương đã nghỉ hưu, tuổi cao, sức khỏe yếu, hành nghề để giải quyết cho vui tuổi già, hoạt động chủ yếu dựa trên kinh nghiệm trong thời gian công tác tại các cơ quan Tư pháp trước khi nghỉ hưu để thực hiện việc TGPL, không cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật nên hiệu quả hoạt động không cao. Số CTVTGPL còn lại (không phải là Luật sư như đã nêu), là

cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan nhà nước ở địa phương số này đa số không có trình độ chuyên ngành Luật, mà có chuyên môn ngành khác nên họ chỉ hiểu sâu về những vấn đề chuyên môn nghiệp vụ của họ được đào tạo, trong khi đó thì những vụ việc mà người yêu cầu được TGPL đều liên quan đến pháp luật. Do đó đây là khó khăn đồng thời cũng là hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả hoạt động của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình trong những năm qua.

- Đại đa số các vụ việc mà đối tượng yêu cầu Trung tâm TGPL là những vụ việc mà đối tượng đã có đơn đề nghị đến nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết và nhiều lần đề nghị, như vậy về tính chất của vụ việc là phức tạp, khó khăn do đó để khẳng định, giải quyết được vụ việc đòi hỏi phải tốn kém thời gian, phải điều tra xác minh, phải có sự phối hợp và đặc biệt là người TGVPL được giao giải quyết vụ việc phải có năng lực. Đây cũng là một trong những khó khăn đã hạn chế đến kết quả, hiệu quả hoạt động TGPL miễn phí của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình trong những năm qua.

- Kinh phí chi cho hoạt động nghiệp vụ TGPL như: TGPL lưu động, trả thù lao cho CTVTGPL, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ rất có hạn nên hoạt động của Trung tâm TGPL rất khó khăn, thù lao thấp nên không khuyến khích động viên được TGVPL hoạt động tích cực.

- Nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) về hoạt động hỗ trợ pháp lý miễn phí chưa đầy đủ, còn cho rằng hoạt động TGPL làm phức tạp thêm vấn đề ở địa phương và mất thời gian khi phải giải trình với cơ quan TGPL đối với các vụ việc liên quan đến chính quyền cấp cơ sở, do đó chưa có sự ủng hộ cao đối với các cuộc TGPL lưu động của Trung tâm TGPL.

- Nhu cầu cần được TGPL của nhân dân nói chung và của đối tượng được TGPL miễn phí nói riêng là nhiều và ngày càng tăng (đây cũng là xu hướng tất yếu vì xã hội càng phát triển thì quan hệ xã hội càng phức tạp và

con người cần phải biết để hoà mình với dòng chảy của xã hội, nhưng nếu không biết, không hiểu thì phải được sự trợ giúp, hỗ trợ) nhưng kết quả TGPL cho các đối tượng trong những năm qua của Trung tâm TGPL như đã nêu tại phần thực trạng cho thấy kết quả đạt được không cao, trong đó có những nguyên nhân khách quan và cả những nguyên nhân chủ quan tác động đến.

c/ Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế, tồn tại

Một là: Nguyên nhân khách quan:

- Do thể chế về TGPL miễn phí còn có những bất cập như: Chưa quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong hoạt động phối hợp với Trung tâm TGPL để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý miễn phí, hoặc chưa quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong việc trả lời đề nghị, yêu cầu của Trung tâm TGPL về vụ việc có liên quan nên hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL là khó khăn.

- Tổ chức bộ máy cán bộ, viên chức của Trung tâm TGPL hiện tại là do lịch sử để lại do đó không thể giải quyết được ngay trong một sớm, một chiều đối với những cái tồn tại, hạn chế của đội ngũ cán bộ, viên chức của Trung tâm TGPL được, việc này đòi hỏi phải có thời gian, lộ trình thực hiện thích hợp, vì hiện tại đối với các cơ quan Nhà nước nói chung và đối với Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình nói riêng đang thực hiện cơ chế: Người sử dụng lao động lại không được trực tiếp tuyển dụng lao động của mình mà do cấp khác, người khác tuyển và giao cho để sử dụng.

- Cơ chế chính sách đối với người thực hiện TGPL như thù lao cho CTVTGPL quy định còn quá thấp nên chưa động viên khuyến khích họ hoạt động tích cực. Hoặc chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức của Trung tâm TGPL chưa bảo đảm đối với một người cũng có trình độ như họ lại công tác ở cơ quan nhà nước khác thì được hưởng phụ cấp, hoặc làm công việc có tính chất không phức tạp bằng hoạt động TGPL nhưng vẫn được hưởng nhiều các loại phụ cấp đặc thù, do đó không thu hút được người có tài, đức vào làm

việc tại Trung tâm TGPL, đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến hiện trạng của tổ chức bộ máy Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình như hiện nay.

- Ninh Bình là một địa phương còn đang khó khăn về kinh tế, thu chưa bảo đảm đủ chi, vẫn còn dựa vào điều tiết từ nguồn kinh phí của Trung ương, do đó Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình là đơn vị sự nghiệp công lập không có thu do ngân sách địa phương bảo đảm cho hoạt động vì vậy mà sự đầu tư về cơ sở vật chất, kinh phí cho Trung tâm TGPL là có hạn nên hoạt động của Trung tâm TGPL là thật sự khó khăn.

Hai là: Nguyên nhân chủ quan:

- Trung tâm TGPL và Sở Tư pháp Ninh Bình chưa có giải pháp hữu hiệu để giải quyết có hiệu quả những khó khăn, hạn chế, tồn tại của tổ chức bộ máy đội ngũ cán bộ, viên chức của Trung tâm TGPL do lịch sử để lại. Chưa có giải pháp hữu hiệu để củng cố, kiện toàn kịp thời đội ngũ CTV TGPL hiện có đang có số lượng rất đông nhưng chất lượng và năng lực lại không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Thực trạng tổ chức bộ máy cán bộ, viên chức của Trung tâm TGPL và đội ngũ CTVTGPL của Trung tâm TGPL như đã nêu tại phần thực trạng cho thấy trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực còn thật sự hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ pháp lý cho đối tượng, vì các vụ việc mà đối tượng đề nghị hỗ trợ pháp lý là phức tạp, khó khăn.

- Công tác tham mưu đề xuất của Trung tâm TGPL và của Sở Tư pháp về thể chế, cơ chế, chính sách cho hoạt động TGPL để đề nghị với tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh xem xét quyết định còn hạn chế, chưa có.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về vai trò, mục đích, hiệu quả của hoạt động TGPL miễn phí còn hạn chế nên chưa tranh thủ được kịp thời, có hiệu quả sự quan tâm, đầu tư, chỉ đạo của các cấp chính quyền; sự hỗ trợ, phối hợp của các cấp, các ngành; sự hỗ trợ đầu tư của các tổ chức xã hội.

- Hoạt động TGPL của Trung tâm TGPL nói chung và hoạt động TGPL của từng cán bộ làm công tác TGPL nói riêng chưa được thường xuyên đổi mới cách làm cho phù hợp với từng loại vụ việc.

- Chưa tạo được cơ chế để động viên khuyến khích những người có trình độ, năng lực tham gia tích cực vào hoạt động TGPL miễn phí.

Kết luận chương 2

Trong Chương 2, tác giả nghiên cứu đặc điểm kinh tế xã hội ở tỉnh Ninh Bình tác động đến công tác TGPL, các quy định về TGPL, đặc biệt đi sâu phân tích thực trạng TGPL ở tỉnh Ninh Bình, tổ chức bộ máy của Trung tâm TGPL, Chi nhánh TGPL, các tổ chức tham gia TGPL, các Câu lạc bộ TGPL, kết quả cung cấp dịch vụ TGPL; hoạt động truyền thông về TGPL; công tác TGPL ở cơ sở; về bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; công tác phối hợp trong hoạt động TGPL; công tác kiểm tra, giám sát. Mỗi khía cạnh, tác giả đã đi sâu phân tích những kết quả đã đạt được cũng như chỉ ra những khó khăn, tồn tại, hạn chế đã gây ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả hoạt động TGPL trong thời gian qua.

Từ thực trạng về tổ chức, hoạt động TGPL trong thời gian qua cho thấy, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động TGPL là một yêu cầu cấp thiết. Vì vậy cần có các giải pháp để bảo đảm cho hoạt động TGPL trong thời gian tới đạt được hiệu quả cao hơn nữa đáp ứng được yêu cầu của người dân.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Nhu cầu cần tăng cường hiệu quả trợ giúp pháp lý

Cùng với sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện chiến lược xóa đói giảm nghèo, đề ơn đáp nghĩa, chính sách dân tộc và quan điểm bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong điều kiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân; đồng thời, xuất phát từ cơ sở lý luận về thực tiễn hoạt động TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách trong thời gian qua, xét thấy nhu cầu TGPL của người nghèo và đối tượng chính sách ngày càng tăng lên, do đó cần làm tốt hơn nữa trong việc nâng cao hiệu quả TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách trong thời gian tới là đòi hỏi tất yếu khách quan thể hiện qua các nội dung sau:

Thứ nhất, trong những năm qua, TGPL đã thể hiện được vị trí, vai trò trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho hàng ngàn người nghèo và đối tượng chính sách có vướng mắc pháp luật, giúp họ nâng cao hiểu biết pháp luật để họ có thể lựa chọn những hành vi xử sự đúng pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của họ được bảo vệ, tạo niềm tin vào pháp luật; góp phần tăng cường pháp chế XHCN, giữ vững trật tự an toàn xã hội và ổn định tình hình chính trị. Thời gian qua, Đảng và nhà nước đã đầu tư hàng chục ngàn tỷ đồng cho công tác xóa đói, giảm nghèo, đề ơn đáp nghĩa, phát triển kinh tế cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; tuy nhiên hiện tại cho thấy tỉ lệ người nghèo và đối tượng chính sách của cả nước nói chung, ở tỉnh Ninh Bình nói riêng còn chiếm một tỷ lệ không nhỏ; trình độ nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân còn thấp và không đồng đều, nhu cầu TGPL của các đối tượng thuộc diện theo quy định ở tỉnh Ninh Bình ngày càng tăng, tính chất các vụ

việc tranh chấp có chiều hướng ngày càng phức tạp, vì vậy, cần phải tăng cường hiệu quả hoạt động TGPL để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu TGPL của người dân tại cơ sở.

Thứ hai, TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách xuất phát từ yêu cầu bảo đảm công bằng xã hội. Thông qua hoạt động TGPL, các việc TGPL cụ thể trên địa bàn, hoạt động này đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan ban, ngành, tổ chức đoàn thể và nhân dân về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động công vụ. Chính sách TGPL đã và đang tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của pháp luật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm công bằng xã hội, hạn chế những tiêu cực phát sinh trong nền kinh tế thị trường. Thực tiễn triển khai thi hành Luật TGPL ở tỉnh Ninh Bình trong những năm qua, Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là với các cơ quan tiến hành tố tụng trong tỉnh đã xem xét, giải quyết các yêu cầu, vướng mắc pháp luật của người được TGPL một cách kịp thời, khách quan và đúng pháp luật, khắc phục những tồn tại bất cập trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Đồng thời trong quá trình tổ chức thực hiện TGPL đã phát hiện và kiến nghị các cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật không còn phù hợp; qua đó, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, khả thi bảo đảm công bằng xã hội.

Thứ ba, TGPL góp phần quan trọng vào công cuộc cải cách hành chính, cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì nhân dân

dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020. Các chủ trương của Đảng nhằm đề cao vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. TGPL trong thời gian qua đã góp phần quan trọng vào công cuộc cải cách hành chính, cải cách Tư pháp. Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu tăng cường và nâng cao hiệu quả TGPL trong cả nước nói chung và ở tỉnh Ninh Bình nói riêng là cần thiết để đáp ứng nhu cầu càng tăng của nhân dân.

Thứ tư, TGPL nhằm ổn định và phát triển xã hội trong cả nước nói chung và ở tỉnh Ninh Bình nói riêng. Đảng ta chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, trong đó Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật bảo đảm cho pháp luật được tuân thủ một cách nghiêm minh. Hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật về TGPL nói riêng đã từng bước đi vào cuộc sống và trở thành cầu nối giữa Nhà nước với nhân dân, góp phần khắc phục những vướng mắc, bất cập trong hoạt động công vụ, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và ổn định chính trị, giảm thiểu các khiếu kiện sai trái, vượt cấp. Qua đó, từng bước nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế trong việc bảo vệ nhân quyền, bảo đảm công lý, công bằng xã hội phù hợp với xu thế phát triển của thế giới. Với các hoạt động thiết thực và hiệu quả của mình, TGPL đã góp phần tích cực thực hiện chiến lược xóa đói giảm nghèo, thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc, mang lại công bằng cho người nghèo và đối tượng chính sách trong việc tiếp cận pháp luật, tạo niềm tin của người dân nói chung và người nghèo nói riêng với Đảng và Nhà nước, do đó việc tăng cường hiệu quả hoạt động TGPL là cần thiết.

3.2. Các quan điểm tăng cường hiệu quả trợ giúp pháp lý

3.2.1. Trợ giúp pháp lý đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng

Đảng lãnh đạo là nguyên tắc đảm bảo cho định hướng phát triển TGPL ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Ninh Bình nói riêng. Thực tiễn những năm qua, công tác TGPL cho thấy, ở đâu các cấp ủy Đảng quan tâm đến TGPL, thì ở

đó công tác TGPL đạt được kết quả và hiệu quả tốt, chất lượng dịch vụ TGPL được nâng lên. Ngược lại ở nơi nào, cấp ủy Đảng chưa nhận thức được vị trí, vai trò của TGPL thì hoạt động yếu kém, tình trạng vi phạm pháp luật và khiếu nại vượt cấp tăng lên, do đó, có thể khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng là điều kiện bảo đảm cho TGPL đạt được kết quả hiệu quả đáp ứng được nhu cầu của nhân dân và công tác lãnh đạo chỉ đạo của Đảng thể hiện bằng việc ban hành các Nghị quyết của tổ chức đảng về chính sách TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách, công tác tổ chức, cán bộ, kiểm tra giám sát các hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước trong việc tổ chức thực các hoạt động TGPL trên địa bàn; có chính sách động viên, khen thưởng trong TGPL..

3.2.2. Bảo đảm tính đồng bộ trong tăng cường hiệu quả trợ giúp pháp lý

Tăng cường hiệu quả hoạt động TGPL phải được xem xét toàn diện và đồng thời trên nhiều mặt. Cần nhìn nhận việc phát triển, tăng trưởng kinh tế đi đôi với việc bảo đảm công bằng xã hội, giải quyết các chính sách xã hội, trong đó có vấn đề TGPL; thực hiện pháp luật về TGPL phải tiến hành cùng với việc hoàn thiện pháp luật, TGPL phải coi trọng sự lãnh đạo của Đảng, nhưng cũng cần sự phối hợp hoạt động của cả hệ thống chính trị và của người dân, v.v. Trong việc thực hiện pháp luật về TGPI, phải tiến hành đồng thời nhiều biện pháp khác nhau như tuyên truyền giáo dục chính sách pháp luật về TGPL, tổ chức tốt công tác TGPL, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, tăng cường cơ sở vật chất, v.v.

3.2.3. Tăng cường sự tham gia của xã hội vào hoạt động trợ giúp pháp lý

Trong điều kiện đất nước ta còn nghèo, biên chế, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của tổ chức TGPL của Nhà nước còn hạn chế, thì việc pháp luật về TGPL quy định về chính sách xã hội hóa hoạt động TGPL là phù hợp để tạo cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức hành nghề Luật sư và Luật sư, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia thực hiện TGPL cùng với Nhà nước và cùng

đóng góp, hỗ trợ, phát triển hoạt động TGPL. Xã hội hóa, đồng nghĩa với việc Nhà nước tạo môi trường pháp lý và hỗ trợ cho các lực lượng xã hội cùng Nhà nước thực hiện TGPL, được cụ thể hóa như sau:

Một là, Luật TGPL quy định tổ chức thực hiện TGPL không chỉ có Trung tâm TGPL nhà nước mà còn có cả các tổ chức hành nghề luật sư (Văn phòng luật sư, Công ty luật) và tổ chức tư vấn pháp luật (Trung tâm tư vấn pháp luật) thuộc các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng tham gia TGPL.

Hai là, pháp luật về TGPL quy định các Trung tâm TGPL nhà nước được sử dụng đội ngũ CTV là những Luật sư, Tư vấn viên pháp luật, Luật gia, chuyên viên pháp lý có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 22 Luật TGPL được tham gia thực hiện TGPL. Để có cơ sở pháp lý vững chắc, có hiệu lực cao khuyến khích, tạo điều kiện cho các cá nhân tham gia TGPL, Luật TGPL dành cả Chương V quy định về người thực hiện TGPL, trong đó có TGV TGPL, CTV TGPL của Trung tâm TGPL nhà nước, Luật sư của các tổ chức hành nghề Luật sư và Tư vấn viên pháp luật của các tổ chức tư vấn pháp luật.

Thứ ba, Luật TGPL quy định thành lập các CLB TGPL ở cơ sở, tạo điều kiện cho các thành viên, hội viên được tham gia hoạt động TGPL và thực hiện quyền được TGPL miễn phí. Để đáp ứng yêu cầu TGPL của người nghèo ngay tại cơ sở, nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhân dân, để họ tích cực tham gia vào quản lý nhà nước, thực hiện dân chủ ở cơ sở, tham gia xóa đói giảm nghèo.

Thứ tư, pháp luật về TGPL xác định TGPL không chỉ là trách nhiệm của tổ chức thực hiện TGPL mà còn là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức khác trong cả hệ thống chính trị. Điều 7 Luật TGPL khẳng định: Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, thành viên, hội viên và cá nhân khác làm việc tại cơ quan, tổ chức mình làm CTV TGPL. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ

quan, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động TGPL trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện TGPL, tạo điều kiện, cung cấp thông tin, tài liệu cho tổ chức thực hiện TGPL để thực hiện TGPL.

Thứ năm, để tạo cơ chế tham gia đóng góp, hỗ trợ hoạt động TGPL của các tổ chức, cá nhân bằng các hình thức khác nhau, Điều 8 Luật TGPL quy định về Quỹ TGPL Việt Nam, tạo cơ chế thu hút mọi nguồn lực xã hội(cơ quan tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước) tùy theo khả năng của mình tự nguyện đóng góp về vật chất và tài chính hỗ trợ tăng cường năng lực, hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện làm việc và tài chính cho tổ chức thực hiện TGPL ở địa phương có khó khăn về kinh tế nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động TGPL [21].

3.2.4. Kế thừa kinh nghiệm tích cực trong hoạt động trợ giúp pháp lý

Qua 19 năm thực hiện hoạt động TGPL và 09 năm thi hành Luật, công tác TGPL ở Việt Nam nói chung, công tác TGPL ở tỉnh Ninh Bình nói riêng đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần tích cực vào việc giải tỏa vướng mắc pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho hàng triệu người nghèo, đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm đối tượng dễ tổn thương trong xã hội, giảm bớt khiếu kiện không cần thiết, góp phần ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Do vậy, hoạt động TGPL trong cả nước nói chung, ở Ninh Bình nói riêng trong thời gian tới cần kế thừa các yếu tố về hình thức, phạm vi, nội dung thực hiện pháp luật về TGPL còn phù hợp, có giá trị lý luận và thực tiễn; loại bỏ những nội dung và hình thức TGPL đã lỗi thời, lạc hậu. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn hoạt động TGPL, tìm ra những mặt mạnh, mặt yếu, từ đó phát huy những ưu điểm, tìm ra những nguyên nhân những hạn chế, từ đó đề ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém, góp phần nâng cao kết quả, hiệu quả hoạt động TGPL trong thời gian tới.

Mặt khác, tăng cường đầu tư và đổi mới các hình thức, phương thức hiện đại hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong công tác TGPL và tăng cường chất lượng dịch vụ TGPL như tổ chức TGPL thông qua hệ thống mạng viễn thông, thông tin đại chúng. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác TGPL tại đại phương hàng năm và dài hạn. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo theo hướng tập trung vào kỹ năng TGPL và kỹ năng làm việc,... Có như vậy hoạt động TGPL ở Ninh Bình mới đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn và yêu cầu hợp tác, hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay[54].

3.2.5. Tăng cường hoạt động trợ giúp pháp lý bảo đảm phù hợp với đặc thù của địa phương

Hoạt động TGPL ở địa phương chủ yếu mang tính áp dụng cho thực tiễn tại địa phương, phục vụ trực tiếp mục tiêu cải cách tư pháp, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ quan quản lý thực hiện TGPL địa phương (Sở Tư pháp, Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình) giúp Chủ tịch UBND tỉnh xác định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ TGPL của địa phương. Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp có nhiệm vụ thực hiện các hình thức TGPL nên không thực hiện chức năng quản lý Nhà nước; theo chức năng, nhiệm vụ thì Phòng hỗ trợ Tư pháp có trách nhiệm tham mưu giúp Giám đốc Sở Tư pháp quản lý nhà nước đối với tổ chức thực hiện TGPL và giúp Giám đốc Sở Tư pháp tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về TGPL và hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động TGPL ở địa phương; Quyết định cấp, thay đổi, thu hồi Giấy đăng ký tham gia TGPL của Văn phòng Luật sư, Công ty Luật, Trung tâm tư vấn pháp luật; Quản lý về tổ chức và hoạt động TGPL của các tổ chức thực hiện TGPL ở địa phương; Quản lý người thực hiện TGPL ở địa phương; trình Hội đồng nhân dân cùng cấp Quyết định tổng biên chế sự nghiệp của Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình;

bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình, Trưởng Chi nhánh TGPL; cấp và thu hồi thẻ TGVPL, thẻ CTVTGPL; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người thực hiện TGPL ở địa phương; phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo phòng Tư pháp và các cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND cấp xã phối hợp với các tổ chức thực hiện TGPL trong công tác TGPL ở địa phương[54].

3.3. Các giải pháp tăng cường trợ giúp pháp lý

3.3.1. Các giải pháp chung tăng cường hiệu quả trợ giúp pháp lý

3.3.1.1. Nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức ở địa phương về trợ giúp pháp lý

Việc nhận thức đúng đắn và đầy đủ về TGPL có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, sự quan tâm, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể đối với hoạt động TGPL. Các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức gồm:

- Quán triệt sâu sắc tới các cấp cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể của tỉnh Ninh Bình và các cơ quan tổ chức khác đóng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình về chính sách TGPL để coi công tác TGPL là một trong những nhiệm vụ chính trị của mình, coi đó là một bộ phận không tách rời trong tổng thể chủ trương chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước ta đối với những người có công với nước với xóa đói giảm nghèo, cải cách tư pháp, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền XHCN.

- Để hoạt động TGPL đạt kết quả và hiệu quả cao cũng rất cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành ở địa phương. Do vậy, cần tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng để nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành ở địa phương.

- Đối với cấp ủy Đảng ở cơ sở và UBND cấp xã cần chú trọng các hoạt động TGPL tại cơ sở coi đây là cầu nối, là diễn đàn đối thoại giữa người dân

với chính quyền các cấp, qua đó giúp cấp ủy Đảng và chính quyền lắng nghe được tâm tư, nguyện vọng của người dân về vấn đề thực hiện dân chủ ở cơ sở để chỉ đạo, điều hòa các mối quan hệ phối hợp TGPL với các cơ quan ban, ngành, đoàn thể ở địa phương trong việc tham mưu và tổ chức thực hiện hoạt động TGPL ở cơ sở; tạo điều kiện hỗ trợ về địa điểm, phương tiện làm việc (hội trường, bàn ghế, kinh phí) tổ chức các hoạt động TGPL.

- Đối với Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình cần nhận thức rõ vai trò trách nhiệm của mình, đồng thời tích cực, chủ động tổ chức có hiệu quả các hoạt động TGPL; chủ động khảo sát nhu cầu TGPL để xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động TGPL cho hiệu quả cao; là đầu mối huy động sự tham gia đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; tăng cường kiểm tra, kịp thời phát hiện những điển hình tốt nhân rộng trên địa bàn tỉnh; phối hợp cùng lãnh đạo các địa phương kịp để thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai hoạt động TGPL.

- Nâng cao trách nhiệm của Phòng Tư pháp: Phòng Tư pháp có vai trò trực tiếp với cơ sở và có điều kiện sâu sát, kịp thời trong việc khảo sát, nắm bắt nhu cầu TGPL, hỗ trợ Trung tâm TGPL tổ chức các hoạt động TGPL lưu động tại cơ sở.

3.3.1.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về trợ giúp pháp lý

Thực tiễn TGPL ở Ninh Bình cho thấy, người dân có nhu cầu được giúp đỡ về pháp luật là rất lớn nhưng nhận thức của họ về quyền được TGPL miễn phí còn hạn chế, nhiều người dân không biết họ thuộc đối tượng được hưởng các dịch vụ pháp lý miễn phí và không biết phải tìm đến đâu. Do đó, để nâng cao nhận thức của người dân nói chung và chính quyền các cấp nói riêng về hoạt động TGPL cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về TGPL và phải xác định đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng, là công việc thường xuyên, liên tục trước mắt cũng như lâu dài ở Ninh Bình với các giải pháp sau:

Thứ nhất, Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình với trách nhiệm là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật (Hội đồng phối hợp) của tỉnh tham mưu cho Hội đồng phối hợp tỉnh chỉ đạo các ngành thành viên có liên quan và Hội đồng phối hợp cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để tổ chức triển khai, tuyên truyền pháp luật về TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành đến tận người dân, từng nhóm đối tượng được TGPL; tổ chức những hình thức phù hợp như (biên soạn tài liệu, tổ chức hội nghị, xây dựng chuyên trang, chuyên mục TGPL trên thông tin đại chúng hoặc đặt pano, apphich, cung cấp tờ gấp, băng đĩa...) cho từng loại đối tượng và thời gian thích hợp, phù hợp với đặc thù các đối tượng và các vùng, miền, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân. Trong đó đặc biệt chú trọng đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc miền núi, vùng bãi ngang ven biển bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả.

Thứ hai, Trung tâm TGPL tỉnh Ninh Bình công khai các quy định của pháp luật về TGPL, thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL, đối tượng được TGPL, hình thức TGPL, lĩnh vực TGPL, địa chỉ các tổ chức TGPL, đội ngũ người thực hiện TGPL... thông qua Đài Truyền hình, hệ thống truyền thanh ở Ninh Bình, các Báo viết, hệ thống viễn thông hoặc cung cấp tờ gấp, niêm yết công khai tại những nơi tập trung đông người (địa điểm tiếp công dân của các cơ quan; bưu điện và nhà văn hóa cấp xã; nhà văn hóa thôn, phố, xóm; Trại tạm giam, Nhà tạm giữ...) hoặc thông qua hoạt động TGPL tại cơ sở (TGPL lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ TGPL...), hỏi đáp pháp luật trên hệ thống thông tin đại chúng và hệ thống viễn thông.

Thứ ba, huy động các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan Báo chí, các tổ chức chính trị - xã hội ở Ninh Bình tham gia vào công tác truyền thông để kịp thời thông tin các văn bản pháp luật về TGPL và các hoạt động TGPL trên địa bàn, nêu gương kịp thời điển hình trong công tác TGPL.

3.3.1.3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, tổ chức đoàn thể

Công tác TGPL phải đặt dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và sự phối hợp công tác triển khai, tổ chức thực hiện của các ngành, các tổ chức đoàn thể; đồng thời phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động làm cho mỗi cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể ở địa phương nhận thức và thấm nhuần mục đích, ý nghĩa của TGPL để nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác lãnh đạo và phối hợp tổ chức TGPL.

3.3.1.4. Hoàn thiện pháp luật quy định về trợ giúp pháp lý

Thực tiễn qua hơn 19 năm triển khai Luật TGPL cho thấy hoạt động TGPL đã khẳng định việc hình thành và phát triển TGPL ở Việt Nam là một hướng đi đúng đắn, kịp thời, có ý nghĩa thiết thực đối với Nhà nước, xã hội và công dân. Bên cạnh đó, như đã trình bày ở trên, thực tiễn tổ chức thực hiện TGPL vẫn còn những khó khăn, bất cập, có những hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động TGPL. Để khắc phục những khó khăn, tồn tại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động TGPL, vấn đề đặt ra cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật của Nhà nước về TGPL. Để hoàn thiện chính sách pháp luật, Bộ Tư pháp cần tiến hành tổng kết và đánh giá một cách toàn diện những mặt làm được, những mặt tồn tại hạn, chế trong quá trình đưa đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về TGPL vào cuộc sống; đánh giá hiệu quả và tác động của TGPL đối với công tác xóa đói, giảm nghèo nói chung và bình đẳng trước pháp luật, tiếp cận pháp lý nói riêng. Các nội dung cụ thể của việc hoàn thiện pháp luật về TGPL bao gồm:

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế TGPL như xây dựng và ban hành Luật TGPL sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Hai là, thực hiện Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 của Thủ tướng chính phủ. Đổi mới công tác TGPL theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa với lộ trình phù

hợp, tiến tới sau năm 2025 người thực hiện TGPL là Luật sư hành nghề, bảo đảm cho các đối tượng thuộc diện được TGPL được cung cấp dịch vụ TGPL kịp thời, chất lượng tương đương với dịch vụ mà luật sư cung cấp trên thị trường. Quy định người thực hiện TGPL là TGV pháp lý và Luật sư CTV; đã là TGV pháp lý, nếu có nguyện vọng chuyển đổi sang Luật sư thì không phải qua đào tạo và tập sự hành nghề Luật sư. Có cơ chế lựa chọn Luật sư giỏi, có kinh nghiệm, tổ chức hành nghề luật sư có uy tín thực hiện TGPL và giám sát, kiểm sát, đánh giá chất lượng vụ việc TGPL;

Ba là, cần mở rộng đối tượng được TGPL đối với những người không có điều kiện thuê luật sư được TGPL như: Các đối tượng hộ cận nghèo, đối tượng mãn hạn tù nhưng chưa được xóa án tích, nạn nhân bạo lực gia đình, người bị nhiễm HIV, nạn nhân của tội mua bán người, trẻ em dưới 18 tuổi, những người bắt buộc phải có người bào chữa;

Bốn là, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính trong việc tiếp cận dịch vụ TGPL của Nhà nước; sửa đổi, bổ sung về trình tự, thủ tục thực hiện TGPL theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm bớt khâu trung gian để tạo thuận lợi cho người được TGPL tiếp cận và hưởng dịch vụ TGPL; ứng dụng công nghệ thông tin nhằm giảm bớt thủ tục hành chính;

Năm là, đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa công tác TGPL theo hướng quy định các chế độ, chính sách ưu đãi để thu hút các tổ chức hành nghề luật sư, Luật sư có uy tín, kinh nghiệm thực hiện TGPL. Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội; chính trị xã hội nghề nghiệp; tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp thực hiện TGPL miễn phí.

Sáu là, cần quy định mô hình hệ thống tổ chức TGPL tại các địa phương theo hệ thống dọc, chịu sự quản lý về tổ chức, biên chế và kinh phí của Bộ Tư pháp, hoàn toàn độc lập với bộ máy quản lý hành chính nhà nước tại địa phương, nhưng có cơ chế phối hợp giữa tổ chức thực hiện TGPL và chính

quyền địa phương và Sở Tư pháp trong việc triển khai các hoạt động TGPL ở cơ sở;

Bảy sáu, sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng thêm mức phụ cấp hàng tháng, thù lao tham gia tố tụng cho TGV pháp lý cũng như các chính sách ưu đãi khác cho đội ngũ TGV pháp lý, để động viên, khuyến khích về tinh thần lẫn vật chất giúp cho các TGV pháp lý yên tâm công tác, hoàn thành tốt được nhiệm vụ được giao.

3.3.1.5. Thu hút sự tham gia của xã hội vào công tác trợ giúp pháp lý

Trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của nhà nước, nhưng Nhà nước không chỉ thực hiện một mình mà còn khuyến khích sự tham gia của cả cộng đồng; sự đóng góp các nguồn lực xã hội trong và ngoài nước, sự tham gia đóng góp tài chính và các nguồn lực hỗ trợ từ cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia TGPL, nhất là các luật sư, luật gia, các chuyên gia pháp lý ở các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhà nước đóng vai trò nòng cốt trong việc tổ chức thực hiện TGPL, phát huy tính chủ động, tự giác, tích cực tham gia thực hiện của người thực hiện TGPL; tiến tới Nhà nước đóng vai trò thu hút, điều phối nguồn lực, huy động các tổ chức xã hội tham gia thực hiện TGPL; tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về TGPL.

3.3.2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả việc trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình

Ngoài các giải pháp chung kể trên, đối với tỉnh Ninh Bình, xin có một số kiến nghị bổ sung như sau:

3.3.2.1. Tiếp tục kiện toàn và phát triển hệ thống tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình

Kiện toàn, củng cố lại tổ chức bộ máy, cán bộ, viên chức của Trung tâm TGPL và đội ngũ CTVTGPL của Trung tâm TGPL theo hướng tinh gọn nhưng chất lượng, hiệu quả, cụ thể:

- Đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình giải thể Chi nhánh TGPL được thành lập tại thành phố Tam Điệp do hoạt động không hiệu quả, không phù hợp với thực tế;

- Tập trung cập nhật pháp luật cho đội ngũ cán bộ, viên chức, TGV pháp lý và CTVTGPL; tổ chức tập huấn chuyên sâu về kỹ năng thực hiện hỗ trợ pháp lý theo lĩnh vực pháp luật cho đội ngũ cán bộ, TGV TGPL và CTVTGPL;

- Cử từ 3 viên chức đến 5 viên chức của Trung tâm TGPL đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong thời gian hợp lý và bảo đảm đến năm 2020 có 100% chuyên viên pháp lý của Trung tâm TGPL được đào tạo và cấp chứng chỉ TGVP pháp lý để tạo nguồn bổ nhiệm TGV pháp lý;

- Phối hợp với các cấp, các ngành có CTVTGPL rà soát lại đội ngũ CTVTGPL để kiện toàn, củng cố lại theo hướng và quan điểm gọn nhưng chất lượng và hiệu quả, trước mắt ngay cuối năm 2016, đầu năm 2017 thực hiện rà soát cho thôi làm CTVTGPL đối với những: Cộng tác viên TGPL có tên mà không hoạt động; hoặc có hoạt động nhưng hoạt động cầm chừng không hiệu quả và những CTVTGPL không đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ, không bảo đảm về sức khỏe (như đối với CTVTGPL là Luật sư cao tuổi, tuổi từ trên 70 tuổi); Đồng thời xem xét để bổ sung thêm CTVTGPL bảo đảm được những yêu cầu trước mắt và lâu dài của hoạt động TGPL và bảo đảm tính ổn định.

3.3.2.2. Tăng cường công tác phối hợp của các cấp, các ngành trong hoạt động TGPL miễn phí trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành để đề xuất nội dung cần phối hợp cho phù hợp và đạt hiệu quả.

3.3.2.3. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy các CLB TGPL ở cơ sở hiện có và đổi mới phương thức hoạt động của các CLB TGPL cho phù hợp với đặc thù của từng địa bàn dân cư.

3.3.2.4. Thu hút sự tham gia của xã hội vào công tác trợ giúp pháp lý

Tăng cường huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức để đầu tư, phát triển Trung tâm tư vấn pháp luật của Hội luật gia tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội phụ nữ tỉnh và các Văn phòng luật sư tích cực tham gia TGPL, đảm bảo 100% Tư vấn viên pháp luật, Luật sư tham gia làm CTVTGPL.

3.3.2.5. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động trợ giúp pháp lý

Pháp luật về TGPL có được thực hiện trong đời sống xã hội, ngoài những giải pháp như nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của việc thực hiện pháp luật về TGPL, xây dựng cơ chế thực hiện phù hợp, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, tạo lập môi trường xã hội thuận lợi, bảo đảm điều kiện vật chất, tăng cường quản lý nhà nước về TGPL... còn phải chú ý đến việc đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm trong thực hiện pháp luật về TGPL. Đây là giải pháp đặc biệt quan trọng để quá trình thực hiện pháp luật về TGPL đạt hiệu quả.

Để đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong thực hiện pháp luật về TGPL ở Ninh Bình, với trách nhiệm của mình Sở Tư pháp phải tiến hành một cách thường xuyên hoạt động kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện hoạt động TGPL ở địa phương. Hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát phải gắn với việc kết luận đánh giá mức độ thực thi pháp luật, về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện pháp luật về TGPL tại Ninh Bình. Xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm trong thực hiện pháp luật về TGPL. Trên cơ sở đó, thực hiện sơ kết, tổng kết và đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện pháp luật về TGPL theo định kỳ thời gian hoặc theo chuyên đề (TGPL cơ sở, TGPL trong hoạt động tổ tụng, TGPL cho người khuyết tật...).

3.3.2.6. Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho hoạt động mà trước mắt đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình trang bị cho một ô tô từ 7-9 chỗ để phục vụ hoạt

động TGPL lưu động tại cơ sở và đầu tư đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào một số công việc của Trung tâm TGPL.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở đưa ra các quan điểm tăng cường hiệu quả hoạt động TGPL và nhu cầu tăng cường hiệu quả TGPL, tác giả đề xuất một số một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động TGPL ở tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới, đó là các giải pháp sau: Nâng cao nhận thức; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác TGPL; hoàn thiện pháp luật về TGPL; tăng cường sự tham gia của xã hội vào hoạt động TGPL; tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và kinh phí hoạt động cho các tổ chức thực hiện TGPL; tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TGPL; tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về TGPL.

KẾT LUẬN

Trải qua hơn 19 năm trưởng thành và phát triển, đặc biệt là kết quả 9 năm thi hành Luật TGPL, hoạt động TGPL đã khẳng định tính đúng đắn, hợp lòng dân và không thể thiếu trong đời sống xã hội, được nhiều cơ quan, tổ chức và đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ. Quá trình triển khai công tác TGPL, hàng triệu lượt người trong cả nước nói chung và ở tỉnh Ninh Bình nói riêng đã được hưởng dịch vụ TGPL miễn phí của Nhà nước. Hoạt động TGPL ở tỉnh Ninh Bình từng bước khẳng định vai trò quan trọng trong việc giúp người dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, góp phần bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp, vi phạm pháp luật, thể hiện tính ưu việt của pháp luật và chế độ ta.

Chính sách TGPL là một chủ trương của Đảng và Nhà nước dành cho người nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội thuộc diện khó khăn và các đối tượng yếu thế khác trong xã hội. Có thể nói chính sách TGPL là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay, là một phương tiện hữu hiệu đưa pháp luật vào cuộc sống, giúp người nghèo và các đối tượng chính sách được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp do pháp luật quy định. Từ đó, có những tác động tích cực đến đời sống pháp luật của xã hội, góp phần vào sự nghiệp cải cách hành chính, cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Tuy nhiên, những yếu tố như trên sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; thể chế liên quan đến hoạt động TGPL, yêu cầu mới từ thực tiễn thì sự vận hành về tổ chức và hoạt động TGPL đang cần đòi hỏi phải đổi mới một cách toàn diện, tổ chức và hoạt động TGPL mà trước mắt cần sửa đổi, bổ sung Luật TGPL và các văn bản có liên quan.

Từ việc tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn TGPL ở tỉnh Ninh Bình; các tài liệu tham khảo về tổ chức và hoạt động TGPL, Luận văn nhấn mạnh đến thực trạng triển khai Luật TGPL ở tỉnh Ninh Bình hiện nay. Bên cạnh đánh giá những kết quả đạt được, tác giả đã đi sâu phân tích những khía cạnh còn tồn tại, hạn chế và nêu ra những nguyên nhân trong từng vấn đề, để từ đó mạnh dạn đề xuất những giải pháp nâng cao kết quả, hiệu quả công tác TGPL ở tỉnh Ninh Bình như đã trình bày tại Chương 3 (về thể chế, tổ chức và hoạt động TGPL).

Với sự hạn chế về hiểu biết, điều kiện và kinh nghiệm nghiên cứu nên Luận văn sẽ không tránh khỏi thiếu sót do đó trong quá trình công tác trong lĩnh vực này, tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn chỉnh để góp phần phát huy ý nghĩa công tác mang tính chất nhân đạo này.

Tác giả xin kính mong được sự quan tâm, chỉ dẫn của các Thầy, Cô giáo và đồng nghiệp và xin trân trọng cảm ơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2007), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành TW Đảng (Khoá X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước.*
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2012), *Nghị quyết số 15/NQ-TW ngày 1/6/2012 về một số chính sách xã hội giai đoạn 2011- 2020*, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48 - NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược Cải cách Tư pháp đến 2020*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2011), *Thông báo số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 Kết luận về Đề án đổi mới cơ chế hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công*, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2008), *Quyết định số 02/2008/QĐ-BTP ngày 28/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước*, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp (2008), *Quyết định số 03/2008/QĐ-BTP ngày 28/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp (2008), *Quyết định số 10/2008/QĐ-BTP ngày 10/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý giai đoạn 2008 - 2010, định hướng đến năm 2015"*, Hà Nội.

10. Bộ Tư pháp (2011), *Quyết định số 4413/QĐ-BTP ngày 8/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
11. Bộ Tư pháp (2011), *Quyết định số 4414/QĐ-BTP ngày 8/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch năm 2012 triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
12. Bộ Tư pháp (2013), *Thông tư số 02/2013/TT-BTP ngày 05/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
13. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng*, Hà Nội.
14. Chính phủ (1997), *Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
15. Chính phủ (2007), *Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2008), *Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 23/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Quy hoạch mạng lưới của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm, giai đoạn 2008-2010, định hướng đến năm 2015"*, Hà Nội.
17. Chính phủ (2011), *Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 -2015*, Hà Nội.

18. Chính phủ (2011), *Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
19. Chính phủ (2013), *Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
20. Cục Thống kê Ninh Bình (2011), *Niên giám thống kê 2011*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
21. Cục Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp (2008), *10 năm hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam hướng phát triển*, Hà Nội.
22. Cục Trợ giúp pháp lý (2009), *Cẩm nang tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
23. Cục Trợ giúp pháp lý (2010), *Các văn bản pháp luật về trợ giúp pháp lý (tập 2)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Cục Trợ giúp pháp lý (2010), *Sổ tay nghiệp vụ trợ giúp pháp lý*.
25. Cục Trợ giúp pháp lý (2010), *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý*, Hà Nội
26. Cục Trợ giúp pháp lý (2011), *Các văn bản pháp luật về trợ giúp pháp lý (tập 3)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
27. Cục Trợ giúp pháp lý (2012), *Các văn bản pháp luật về trợ giúp pháp lý (tập 4)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
28. Cục Trợ giúp pháp lý (2014), *Báo cáo kết quả 8 năm công tác trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn phòng Trung ương Đảng (1995), *Thông báo số 485/CV-VPTW ngày 31-5-1995 về ý kiến chỉ đạo của Ban bí thư đối với Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật*, Hà Nội.

31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Lê Khả Kế (1997), *Từ điển Anh - Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
35. Nguyễn Lâm (2005), *Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
36. Đỗ Xuân Lâm (2006), *Hoàn thiện các hình thức tiếp cận pháp luật của người nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
37. Đặng Thị Loan (2009), *Phát triển trợ giúp pháp lý ở cơ sở*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
38. Tạ Thị Minh Lý (2007), *Điều chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý ở Việt Nam trong điều kiện đổi mới*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Hà Nội.
39. Nguyễn Thành Minh (1998), *Từ điển pháp luật Anh - Việt*, NXB Thế giới, Hà Nội.
40. Nguyễn Bích Ngọc (2012), *Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trợ, Luận văn Thạc sĩ Luật học*, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
41. Hoàng Phê (1994), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Hoàng Thị Kim Quế (2012), “*Trách nhiệm nhà nước trong việc thừa nhận, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân*”, Tạp chí
43. Hoàng Thị Kim Quế (2011), “*Một số vấn đề về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý ở nước ta hiện nay*”, <http://tainguyenso.vnu.edu.vn>.
44. Quốc hội (2006), *Luật Trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.

45. Quốc hội (2006), *Luật Luật sư*, Hà Nội.
46. Quốc hội (2010), *Luật Người khuyết tật*, Hà Nội.
47. Quốc hội (2011), *Luật Phòng, chống mua bán người*, Hà Nội.
48. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
49. Quốc Hội (2003), *Bộ Luật tố tụng hình sự*
50. Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình (2007), *Tổng kết 10 năm thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý ở Ninh Bình*
51. Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình (2011), *Báo cáo kết quả 8 năm triển khai thi hành Luật trợ giúp pháp lý*
52. Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình (2012), *Báo cáo kết quả 5 năm triển khai thi hành Nghị định 07/2007/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình.*
53. Phạm Quốc Sỹ (2014), Nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh, *Luận văn Thạc sĩ Luật học*, Viện Hàn lâm khoa học xã hội – Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
54. Bùi Thị Thanh Tâm (2013), *Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý ở tỉnh Ninh Bình*, *Luận văn Thạc sĩ Luật học*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
55. Thủ tướng Chính phủ (1997), *Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức TGPL*, Hà Nội.
56. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II)*, Hà Nội.
57. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 – 2010*, Hà Nội.

58. Thủ tướng Chính phủ (2015): *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTG ngày 19/11/2015 về việc Ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*
59. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1999), *Mô hình tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý, phương hướng thực hiện trong điều kiện hiện nay, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ*, Hà Nội.
60. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2004), *Luận cứ khoa học và thực tiễn của việc xây dựng Pháp lệnh trợ giúp pháp lý, Đề tài khoa học cấp Bộ*, Hà Nội.
61. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại Từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

**Phụ lục 1. TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỤ VIỆC CHIA THEO LĨNH VỰC, HÌNH THỨC, ĐỊA ĐIỂM TGPL
(Từ 01/01/2007 – 06/2016)**

Đơn vị tính: vụ việc

Thời gian	Lĩnh vực									TS (9)	Hình thức						Địa điểm				
	HS (1)	DS (2)	HN GD (3)	HC KN (4)	ĐĐ (5)	LĐ (6)	PL UD (7)	K (8)	Tư vấn (10)		TGTT		ĐĐ NTT (13)	HG (14)	K (14a)	Trụ sở TT (15)	Trụ sở CN (15a)	Trụ sở. TC. ĐKTG TGPL (16)	LĐ (17)	K (18)	
											ĐĐ,BV (11)	BC (12)									
2007	85	67	48	22	238	0	115	44	619	509	0	104	0	06	0	57	0	0	458	104	
2008	80	115	71	77	523	01	482	56	1.405	1.329	0	76	0	0	0	93	0	0	1.236	76	
2009	54	104	41	63	272	01	368	69	972	908	0	53	0	01	10	56	0	0	862	54	
2010	19	54	37	15	293	01	218	122	759	739	0	20	0	0	0	40	0	0	699	20	
2011	52	59	23	11	258	01	155	48	607	554	0	53	0	0	0	28	0	0	526	53	
2012	62	60	26	15	361	02	197	53	776	724	0	52	0	0	0	22	0	0	701	53	
2013	44	138	37	17	272	0	269	66	843	798	0	45	0	0	0	48	05	0	745	45	
2014	42	69	48	18	276	8	107	52	620	582	0	37	01	0	0	30	06	0	546	38	
2015	43	136	100	19	333	1	305	65	1.002	957	0	45	0	0	0	22	1	0	979	0	
6 tháng /2016	6	13	4	1	21	0	10	0	55	49	0	6	2	0	0	6	0	0	49	0	
Tổng	487	815	435	258	2.847	15	2.226	575	7.658	7.149	0	491	03	07	10	402	12	0	6.801	443	

**PHỤ LỤC 2: TỔNG SỐ LƯỢT NGƯỜI, ĐIỆN NGƯỜI, GIỚI TÍNH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TGPL
(Từ 01/01/2007 – 06/2016)**

Đơn vị tính: người

Diện Thời gian	Người thuộc diện TGPL											Người không thuộc diện TGPL	Chia theo giới tính		Tổng số
	Người nghèo	Người có công với CM	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Trẻ em không nơi nương tựa, Vị thành niên	Người khuyết tật không nơi nương tựa	Người dân tộc	Nạn nhân bạo lực GD	Nạn nhân mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác	Cộng		Nam	Nữ	
2007	85	142	4	76	4	13	15	0	0	0	339	280	450	169	619
2008	238	324	13	76	13	53	0	0	0	23	740	665	953	452	1.405
2009	125	315	7	48	1	34	0	0	0	19	549	422	660	311	971
2010	76	267	3	15	5	55	0	1	0	22	444	315	526	233	759
2011	78	226	2	47	0	60	0	0	0	0	413	192	371	234	605
2012	243	271	5	62	0	56	0	0	0	5	642	134	560	216	776
2013	291	271	12	57	22	41	3	0	0	4	701	182	589	294	883
2014	222	228	4	6	5	41	2	0	0	32	540	80	233	387	620
2015	417	196	6	44	11	144	2	0	0	0	820	182	385	617	1.002
6/2016	17	23	0	5	0	2	0	0	0	0	47	8	33	22	55
Tổng	1.792	2.263	56	436	61	499	22	1	0	105	5.235	2.460	4.760	2.935	7.695

**Phụ lục 3. TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỤ VIỆC THEO NGƯỜI THỰC HIỆN TGPL
(Từ 01/01/2007 – 06/2016)**

Đơn vị tính: người

Thời gian	Người thực hiện	Lĩnh vực								TS (9)	Hình thức						Địa điểm				
		HS (1)	DS (2)	HN GD (3)	HC KN (4)	ĐĐ (5)	LĐ (6)	PL UD (7)	K (8)		Tur vấn (10)	TGTT		ĐD NTT (13)	HG (14)	K (14a)	Trụ số TT (15)	Trụ số CN (15a)	Trụ số. TC. ĐKT G TGPL (16)	LĐ (17)	K (18)
												ĐD,B V (11)	BC (12)								
2007	TGV (19)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	0	0
	CTV-LS (20)	77	10	16	4	26	0	0	0	133	23	0	104	0	06	0	0	0	-	0	104
	CTVK (21)	08	57	32	18	212	0	115	44	486	486	0	0	0	0	0	57	0	-	458	0
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	Tổng 1	85	67	48	22	238	0	115	44	619	509	0	104	0	06	0	57	0	0	458	104
2008	TGV (19)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	0	0
	CTV-LS (20)	69	7	0	0	0	0	0	0	76	0	0	76	0	0	0	0	0	-	0	76
	CTVK (21)	11	108	71	77	523	01	482	56	1.329	1329	0	0	0	0	0	93	0	-	1236	0
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	Tổng 2	80	115	71	77	523	01	482	56	1405	1329	0	76	0	0	5	93	0	0	1236	76
2009	TGV (19)	6	100	39	63	272	01	368	69	918	908	0	0	0	0	10	56	0	-	862	0

	CTV-LS (20)	48	4	2	0	0	0	0	0	54	0	0	53	0	01	0	0	0	-	0	54
	CTVK (21)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	0	0
	LS -TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	Tổng 3	54	104	41	63	272	01	368	69	972	908	0	53	0	01	10	56	0	0	0	862
2010	TGV (19)	02	51	37	15	293	01	218	122	739	739	0	0	0	0	0	40	0	-	699	0
	CTV-LS (20)	17	03	0	0	0	0	0	0	20	0	0	20	0	0	0	0	0	-	0	20
	CTVK (21)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	0	0
	LS -TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	Tổng 4	19	54	37	15	293	01	218	122	759	739	0	20	0	0	0	40	0	0	0	699
2011	TGV (19)	0	58	23	11	258	01	155	48	554	554	0	0	0	0	0	28	0	-	526	0
	CTV-LS (20)	52	01	0	0	0	0	0	0	53	0	0	53	0	0	0	0	0	-	0	53
	CTVK (21)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	0	0
	LS -TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	Tổng 5	52	59	23	11	258	01	155	48	607	554	0	53	0	0	0	28	0	0	0	526
2012	TGV (19)	10	60	26	15	361	2	197	53	724	724	0	0	0	0	0	22	0	-	701	0
	CTV-LS (20)	52	0	0	0	0	0	0	0	52	0	0	52	0	0	0	0	0	-	0	53
	CTVK (21)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	0	0

	LS –TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0
	Tổng 6	62	60	26	15	361	02	197	53	776	724	0	52	0	0	0	22	0	0	701	53	
2013	TGV (19)	0	137	37	17	272	0	269	66	798	798	0	0	0	0	0	48	05	-	745	0	
	CTV-LS (20)	44	01	0	0	0	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	-	0	45	
	CTVK (21)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	0	0	
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0	
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0	
	Tổng 7	44	138	37	17	272	0	269	66	843	798	0	45	0	0	0	48	05	0	745	45	
2014	TGV (19)	5	55	37	9	218	5	75	40	582	440	0	03	01	0	0	17	3	-	424	0	
	CTV-LS (20)	37	01	0	0	0	0	0	0	37	4	0	34	0	0	0	0	0	-	0	38	
	CTVK (21)	0	13	11	9	58	3	32	12	01	138	0	0	0	0	0	13	3	-	122	0	
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0	
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	0	0	0	
	Tổng 8	42	69	48	18	276	8	107	52	620	582	0	37	01	0	0	30	06	0	546	38	
2015	TGV (19)	12	94	71	14	240	1	227	53	712	697	0	12	0	0	0	22	1	0	689	0	
	CTV-LS (20)	30	0	0	0	0	0	0	0	30	0	0	30	0	0	0	0	0	0	30	0	
	CTVK (21)	01	42	29	5	93	0	78	12	260	260	0	1	0	0	0	0	0	0	260	0	
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

	Tổng 9	43	136	100	19	333	1	305	65	1.002	957	0	43	0	0	0	22	1	0	970	0
6 tháng /2016	TGV (19)	4	6	4	0	16	0	10	0	40	36	0	4	2	0	0	6	0	0	34	0
	CTV-LS (20)	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0
	CTVK (21)	0	7	0	1	5	0	0	0	13	13	0	0	0	0	0	0	0	0	13	0
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng 10	6	13	4	1	21	0	10	0	55	49	0	6	0	0	0	6	0	0	49	0
Tổng số:		487	815	435	258	2.847	15	2.226	575	7.658	7149	0	489	03	07	10	402	12	0	6.801	443

